

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 141, Chúa Nhật 27.03.2011

MỤC LỤC

Cộng Đoàn Nhân Loại Vatican
2

CHÚA PHẬT? Lm Jos.Tuấn Việt, O.Carm

MỘT ĐỜI NGƯỜI, MỘT CHUYẾN ĐI Lm. Vinh Sơn Phạm Trung Thành,
dcct.

Luân Lý Y Học: Vấn đề trợ sinh cho bệnh nhân nguy tử Lm. PX. Ngô Tôn
Huấn.

THÁNH GIUSE: Mẫu gương của việc sống lời khấn Vâng Phục Lm. Anmai,
C.Ss.R.

NGỤ NGÔN THỜI BẮN LOẠN (KỲ 22) Gioan Lê Quang Vinh,
VRNs

Căn tính Người Tín Hữu Giáo Dân trong Công Đồng Vatican II (1) Tiến sĩ Nguyễn Học
Tập

VỊ ÂN NHÂN ẨM DANH Br. Huynhquảng

Để trở thành Người Đào Tạo và hướng dẫn kẻ khác cầu nguyện Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy,
pss.

THỬ THÁCH CỦA GHEN TƯƠNG Lm. Minh Anh biên
tập

GAN NHIỄM MỖ Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
M.D.

Giận Hờn Chuyện phiếm của Gã
Siêu

Cộng Đoàn Nhân Loại

Hiển Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay
Gaudium Et Spes

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương II

Cộng Đoàn Nhân Loại 26*

23. Mục Đích Công Đồng nhằm tới. Trong những khía cạnh chính yếu của thể giới hôm nay phải kể tới sự gia tăng những mối tương quan giữa con người với nhau, mà những tiến bộ kỹ thuật ngày nay đóng góp rất nhiều vào việc phát triển sự gia tăng ấy. Tuy nhiên, cuộc đối thoại huynh đệ giữa con người được hoàn hảo không phải ở trong những tiến bộ ấy, nhưng một cách sâu xa hơn trong cộng đoàn nhân loại. Cộng đoàn này đòi hỏi phải có sự tôn trọng tất cả phẩm giá thiêng liêng của nhau. Mạc Khải Kitô giáo giúp nhiều vào việc cổ vũ cho sự hiệp thông giữa các nhân vị, đồng thời cũng đưa ta tới chỗ hiểu biết sâu xa hơn về những luật lệ của đời sống xã hội mà Tạo Hóa đã in vào bản tính thiêng liêng và luân lý của con người.

Bởi vì những tài liệu mới đây của Giáo Quyền đã trình bày sâu rộng hơn lý thuyết Kitô giáo về xã hội con người¹, nên Công Đồng chỉ nhắc lại một ít chân lý chính yếu và Công Đồng trình bày những nét căn bản của các chân lý ấy dưới ánh sáng của Mạc Khải. Tiếp đến, Công Đồng nhấn mạnh tới một vài hậu quả xét là quan trọng hơn ở thời đại chúng ta.

24. Đặc tính cộng đoàn của thiên chức con người trong ý định Thiên Chúa. Lấy tình Cha săn sóc mọi người, Thiên Chúa đã muốn rằng tất cả mọi người phải làm thành một gia đình và đối xử với nhau bằng tình huynh đệ. Bởi vì mọi người được tạo dựng giống hình ảnh của Thiên Chúa là Đấng đã "cho tất cả nhân loại do một nguyên tổ cư ngụ trên khắp mặt đất" (CvTđ 17,26), nên họ đều được gọi tới cùng một cứu cánh duy nhất là chính Thiên Chúa.

Do đó yêu mến Thiên Chúa và anh em là giới răn thứ nhất và trọng nhất. Thánh Kinh dạy ta rằng tình yêu mến Thiên Chúa không thể tách rời với tình yêu anh em: "...nếu có điều răn nào khác đi nữa cũng gồm tóm trong lời này: hãy thương yêu anh em như chính mình... Thương yêu là chu toàn luật pháp vậy" (Rm 13,9-10; x. 1Gio 4,10). Điều nói trên cũng được nhận là quan trọng nhất đối với con người mỗi ngày một lệ thuộc nhau hơn cũng như đối với thể giới ngày càng hiệp nhất lại.

Hơn nữa, khi cầu nguyện với Chúa Cha: "xin cho mọi người nên một...", như chúng ta là một" (Gio 17,21-22), Chúa Giêsu mở ra những viễn tượng mà lý trí con người không thể tự đạt tới được. Như vậy Chúa Giêsu đã nói lên một sự tương tự nào đó giữa sự kết hợp của Ba Ngôi Thiên Chúa với sự kết hợp của các con cái Chúa trong chân lý và đức ái. Sự tương tự này cho thấy con người, tạo vật duy nhất ở trần gian được Thiên Chúa dựng nên cho chính họ, chỉ có thể gặp lại chính bản thân mình nhờ thành thực hiến thân ².

25. Sự lệ thuộc giữa con người và xã hội. Đặc tính xã hội của con người cho thấy rõ sự thăng tiến của con người và sự phát triển của xã hội lệ thuộc nhau ^{27*}. Thực vậy, nhân vị chính là và phải là nguyên lý, chủ thể và cứu cánh của mọi định chế xã hội, bởi vì tự bản chất nhân vị phải hoàn toàn cần đến đời sống xã hội ³. Cho nên vì đời sống xã hội đối với con người không phải là một cái gì phụ thuộc, do đó nhờ trao đổi với người khác, nhờ phục vụ lẫn nhau và nhờ đối thoại với anh em, con người được tăng triển mọi khả năng của mình và có thể đáp ứng được thiên chức của mình.

Giữa những mối liên hệ xã hội cần thiết để con người được phát triển, có những mối liên hệ đáp ứng được bản tính sâu xa của con người một cách trực tiếp hơn, đó là gia đình và cộng đoàn chính trị; cũng có những mối liên hệ phát sinh do ý muốn tự do của con người. Trong thời đại chúng ta, nhiều nguyên nhân làm cho những mối tương quan và lệ thuộc nhau mỗi ngày một tăng thêm; do đó phát sinh nhiều hiệp hội và những tổ chức khác nhau, công hay tư xét về phương diện pháp lý ^{28*}. Sự kiện này được mệnh danh là xã hội hóa, không phải là không có những nguy hại, tuy nhiên cũng đem lại nhiều lợi ích lớn lao để củng cố cũng như làm gia tăng những đức tính của con người và bảo đảm những quyền lợi của con người ⁴.

Nhưng nếu đời sống xã hội giúp nhiều cho con người chu toàn sứ mệnh của mình kể cả sứ mệnh tôn giáo nữa, thì ta cũng không thể phủ nhận rằng con người vì những hoàn cảnh xã hội họ đang sống và tiềm ẩn ngay từ thuở thiếu thời, nên nhiều khi xa lánh không làm điều thiện và bị lôi kéo làm điều ác. Chắc chắn những xáo trộn rất thường xảy ra trong phạm vi xã hội một phần phát sinh từ chính tình trạng căng thẳng giữa những tổ chức kinh tế, chính trị và xã hội. Nhưng sâu xa hơn, những xáo trộn trên phát sinh do ích kỷ và kiêu căng của con người, đó cũng là những nguyên nhân làm cho môi trường xã hội ra vẩn đục. Một khi trật tự xã hội bị đảo lộn do hậu quả của tội lỗi, thì con người, bẩm sinh đã nghiêng chiều về sự xấu, lại gặp phải những cám dỗ mới để phạm tội. Những cám dỗ này nếu không có cố gắng liên li và không có ơn thánh trợ giúp sẽ không thể lướt thắng được.

26. Bốn phận mưu cầu công ích. Sự lệ thuộc nhau mỗi ngày một chặt chẽ hơn và dần dần lan rộng trên toàn thể thế giới, vì thế công ích - tức là toàn bộ những điều kiện của đời sống xã hội cho phép những tập thể hay những phần tử riêng rẽ có thể đạt tới sự hoàn hảo riêng một cách đầy đủ và dễ dàng hơn - ngày nay mỗi lúc một rộng tầm phổ quát hơn và do đó bao hàm những quyền lợi và nghĩa vụ của toàn thể nhân loại. Bất cứ tập thể nào cũng phải tôn trọng nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của các tập thể khác, hơn thế nữa, phải tôn trọng công ích của toàn thể gia đình nhân loại ⁵.

Nhưng đồng thời con người càng ngày càng ý thức hơn về phẩm giá cao trọng vốn có của mình, bởi vì con người vượt trên mọi loài và vì những quyền lợi cũng như bốn phận của con người là phổ quát và bất khả xâm phạm. Vậy cần phải cho con người được tất cả những gì thiết yếu mà con người phải có để thực sự sống đời sống con người, như của ăn, áo quần, chỗ ở, quyền tự do chọn lựa bậc sống và quyền lập gia đình, quyền được giáo dục, quyền làm việc, quyền bảo tồn danh thơm tiếng tốt, quyền được kính trọng, quyền thông tin xứng hợp, quyền hành động theo tiêu chuẩn chính thức của lương tâm mình, quyền bảo vệ đời sống tư và quyền tự do chính đáng cả trong phạm vi tôn giáo nữa.

Bởi vậy, trật tự xã hội và tiến bộ của nó phải luôn luôn nhằm ích lợi của các nhân vị, bởi vì trật tự của muôn vật phải lệ thuộc vào trật tự của các nhân vị chứ không ngược lại. Điều này chính Chúa đã ám chỉ khi Người nói rằng ngày nghỉ được lập ra vì con người chứ không phải con người được dựng nên vì ngày nghỉ ⁶. Trật tự này phải phát triển mỗi ngày một hơn, phải đặt nền tảng trên chân lý, xây dựng trong công bình, nuôi sống nhờ tình yêu; phải dần dần tìm được trong tự do sự quân bình mỗi ngày mỗi hợp với nhân bản hơn ⁷. ^{29*} Để chu toàn được những điều trên, phải có sự đổi mới tâm thức và những thay đổi sâu rộng trong xã hội.

Thánh Thần Chúa, Đấng điều khiển những biến chuyển thời gian và canh tân bộ mặt trái đất với sự quan phòng kỳ diệu, đang hiện diện trong cuộc tiến hóa này. Men Phúc Âm đã và đang làm dậy lên trong lòng con người sự đòi hỏi phải có nhân phẩm, một đòi hỏi không thể cưỡng chế được.

27. Tôn trọng nhân vị. Để đi tới những kết luận thực hành và cần thiết hơn, Công Đồng nhấn mạnh về sự tôn trọng con người. Vậy mỗi người đều phải coi người đồng loại không trừ một ai như "cái tôi thứ hai", cho nên trước hết phải quan tâm đến sự sống của họ và quan tâm đến những phương tiện cần thiết giúp họ sống một đời sống xứng đáng ⁸, chứ đừng bắt chước người giàu có kia đã không sẵn sóc gì tới người nghèo Lazarô ⁹.

Nhất là thời nay, chúng ta có bốn phận khẩn thiết phải trở nên người lân cận của bất cứ người nào và tích cực giúp đỡ khi họ đến với mình, hoặc có thể là một người già lão bị mọi người bỏ rơi, hoặc là một công nhân ngoại quốc bị khinh bỉ một cách bất công, hoặc là một người lưu vong, hay một đứa bé sinh ra do cuộc tình duyên bất hợp pháp chịu đau khổ cách bất công vì tội lỗi mình không phạm, hoặc một người đói ăn đang kêu gọi lương tâm chúng ta, làm vang lại lời của Chúa: "Bao nhiêu lần các người làm những việc đó cho một trong những người hèn mọn là anh em Ta đây, tức là các người làm cho Ta vậy" (Mt 25,40).

Ngoài ra, tất cả những gì đi ngược với chính sự sống, như giết người dưới bất cứ hình thức nào, diệt chủng, phá thai ^{30*}, giết chết cách êm dịu ^{31*}, hoặc tự tử trực tiếp; tất cả những gì xâm phạm sự toàn vẹn của con người, như cắt bỏ một phần thân xác, hành hạ thân xác hoặc tâm trí, làm áp lực tâm lý; tất cả những gì xúc phạm đến nhân phẩm, như những cảnh sống thấp kém dưới mức độ phải có của con người, giam cầm vô cố, lưu đày, nô lệ, mãi dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ con; kể cả những tình trạng làm việc nhọc nhằn khiến cho công nhân hoàn toàn trở thành dụng cụ cho lợi lộc, chứ không được coi như con người tự do và có trách nhiệm: tất cả những điều nói trên và những điều tương tự đều thực sự ô nhục. Và trong khi làm thối nát nền văn minh nhân loại, thì tất cả những điều trên lại càng bôi nhọ chính những kẻ chủ động hơn là bôi nhọ những kẻ phải chịu sự nhục mạ, đồng thời cũng xúc phạm nặng nề đến danh dự của Đấng Tạo Hóa.

28. Kính trọng và yêu thương đối thủ. Cũng phải kính trọng và yêu thương những người không cùng một cảm nghĩ hoặc cùng một hành động với chúng ta trong những vấn đề xã hội, chính trị hay cả tôn giáo nữa. Thực vậy, càng lấy sự nhân ái và yêu thương mà tìm hiểu sâu xa hơn những cách cảm nghĩ của họ, chúng ta càng dễ dàng có thể đi tới đối thoại với họ hơn.

Thực ra, đức ái và lòng nhân hậu này không bao giờ cho phép chúng ta trở thành đứng đưng với điều chân và thiện. Hơn thế nữa, chính đức ái thúc bách các môn đệ Chúa Kitô loan

báo cho mọi người chân lý cứu rỗi. Nhưng phải phân biệt lầm lỗi, điều luôn luôn phải loại bỏ, với người lầm lỗi [32*](#) vì những người lầm lỗi vẫn còn giữ được nhân phẩm, ngay cả khi họ có những ý niệm sai lầm hoặc hơi lệch lạc về tôn giáo [10](#). Chỉ có mình Thiên Chúa là quan tòa và là Đấng thấu suốt mọi tâm hồn: bởi vậy Ngài ngăn cấm chúng ta xét đoán tội lỗi bên trong của bất cứ người nào [11](#).

Giáo lý của Chúa Kitô cũng đòi chúng ta phải tha thứ những xúc phạm và giáo lý ấy nói rộng giới răn yêu thương đối với tất cả kẻ thù, đó chính là giới răn trong Luật Mới: "Các người có nghe lời truyền dạy hãy thương yêu thân nhân mà ghét thù địch mình. Còn Ta, Ta dạy các người: hãy thương yêu kẻ thù nghịch mình, cứ làm ơn cho kẻ ghét mình, lại cầu nguyện cho những người bắt bớ vu vạ cho người nữa" (Mt 5, 43-44) [12](#).

29. Bình đẳng căn bản giữa mọi người với nhau và công bình xã hội. Càng ngày càng phải nhận thức sự bình đẳng căn bản giữa mọi người hơn, bởi vì mọi người đều có một tâm linh và được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa nên có cùng một bản tính và cùng một nguồn gốc, hơn nữa vì được Chúa Kitô cứu chuộc nên họ đều được mời gọi như nhau và cùng hưởng chung một cùng đích nơi Thiên Chúa.

Dĩ nhiên mọi người không bằng nhau vì không có khả năng thể chất như nhau và những năng lực trí tuệ và tinh thần như nhau. Tuy nhiên phải vượt lên trên và loại bỏ mọi hình thức kỳ thị về những quyền lợi căn bản của con người, hoặc trong phạm vi xã hội hoặc trong phạm vi văn hóa, kỳ thị vì phái tính, chủng tộc, màu da, địa vị xã hội, ngôn ngữ hay tôn giáo, vì như vậy là trái với ý định của Thiên Chúa. Do đó thực đáng buồn khi những quyền lợi căn bản của nhân vị cho đến nay vẫn chưa được bảo đảm toàn vẹn ở mọi nơi. Thí dụ người ta không nhìn nhận phụ nữ có quyền tự do chọn lựa người chồng hay quyền tự do chọn bậc sống, hoặc quyền được giáo dục và có văn hóa như nam giới [33*](#).

Hơn nữa, dù có những khác biệt chính đáng giữa con người với nhau, tuy nhiên nhân phẩm như nhau của mọi người cũng đòi hỏi người ta phải tiến tới mức sống nhân đạo hơn và xứng hợp với con người hơn. Thực vậy, những chênh lệch quá đáng về kinh tế và xã hội giữa những thành phần hay giữa những dân tộc trong cùng một gia đình nhân loại thực là những gương xấu và đi ngược với công bằng xã hội, lẽ phải, [34*](#) nhân phẩm và nền hòa bình xã hội cũng như quốc tế.

Còn các tổ chức của con người hoặc tư hoặc công hãy nỗ lực phục vụ phẩm giá cũng như cứu cánh của con người, đồng thời hãy mạnh mẽ chống lại bất cứ hình thức nô lệ nào trên phương diện xã hội hay chính trị và bảo vệ những quyền lợi căn bản của con người trong bất cứ một chính thể nào. Hơn nữa, các tổ chức ấy còn phải dần dần phù hợp với những việc thiêng liêng là những việc cao cả hơn hết, dù đôi khi phải trải qua một thời gian khá lâu để đạt tới mục đích hằng mong mỏi đó.

30. Cần phải vượt ra khỏi thứ luân lý cá nhân chủ nghĩa. Hoàn cảnh biến đổi sâu rộng và nhanh chóng đòi hỏi cấp bách đừng ai chủ trương một thứ luân lý duy cá nhân mà không lưu tâm hoặc không màng chi tới diễn tiến thời cuộc [35*](#). Bốn phận công bình và bác ái được chu toàn mỗi ngày một hơn là do mỗi người biết, tùy theo những khả năng của mình và nhu cầu của kẻ khác mà mưu ích chung, bằng cách cố võ và trợ giúp những tổ chức công hay tư nhằm cải thiện những điều kiện sống của con người. Lại có những người ngoài miệng thì chủ trương rộng rãi và đại lượng, mà thực tế họ luôn luôn sống như chẳng quan tâm gì tới những nhu cầu của xã hội. Hơn nữa tại nhiều nơi có nhiều người còn coi thường các luật lệ và những qui định của xã hội. Một số người không ngần ngại dùng những hình thức gian lận và lừa đảo để trốn những thuế vụ chính đáng hoặc trốn tránh những gì xã hội đòi buộc. Có người lại coi nhẹ một số luật lệ trong cuộc sống xã hội, chẳng hạn những luật lệ liên hệ tới việc bảo vệ sức khỏe, hoặc việc xe cộ lưu thông, bởi vì họ không nhận thức được rằng do bất cẩn như thế sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng của họ và của những người khác.

Mỗi người đều phải nhìn nhận và tôn trọng những liên đới xã hội như một trong những nghĩa vụ chính yếu của con người thời nay. Bởi vì thế giới càng hợp nhất thì hiển nhiên những bốn phận của con người càng vượt trên những nhóm riêng rẽ hơn và dần dần sẽ lan rộng tới toàn thể giới. Điều ấy chỉ thể hiện được một khi mỗi người và mỗi cộng đoàn trau dồi nơi chính họ những đức tính luân lý và xã hội, đồng thời đem những đức tính ấy gieo rắc ngoài xã hội. Như vậy, với sự trợ giúp cần thiết của ơn thánh Chúa sẽ có những con người thật sự mới và là những người kiến tạo một nhân loại mới.

31. Trách nhiệm và tham gia. Để mỗi người chu toàn một cách cẩn thận hơn nghĩa vụ của họ đối với mình hay đối với những cộng đoàn mà họ là thành phần, thì với những phương

thể phong phú của nhân loại ngày nay, họ phải được giáo dục chu đáo để có văn hóa sâu rộng hơn. Trước hết cần phải tổ chức việc giáo dục những người trẻ thuộc bất cứ thành phần nào trong xã hội, làm sao để đào tạo được những người nam và nữ không những tài giỏi về văn hóa mà còn có một tâm hồn cao thượng, bởi vì thời đại chúng ta đang khẩn thiết đòi phải có những người như vậy.

Nhưng con người khó mà nắm được ý nghĩa trách nhiệm này nếu những hoàn cảnh sinh sống không cho phép họ ý thức về phẩm giá của mình cũng như không cho phép họ đáp lại sứ mệnh của mình bằng cách hiến thân phục vụ Thiên Chúa và người khác. Ngoài ra, sự tự do của con người nhiều lúc suy giảm đi, một khi con người rơi vào cảnh quá căng cứng, cũng như tự do ấy bị hạ giá một khi buông thả theo những dể dãi quá mức trong cuộc sống, con người dường như tự khép mình trong thứ lâu đài cô đơn ngà ngọc. Trái lại tự do ấy được củng cố khi con người chấp nhận những ràng buộc không thể tránh được trong cuộc sống xã hội, coi những nhu cầu muôn mặt của tình liên đới nhân loại là của mình và tự buộc mình phải phục vụ cho cộng đoàn nhân loại.

Vì thế, thiện chí muốn góp phần vào những công việc chung cần được cổ vũ nơi mọi người. Ngoài ra phải ca tụng đường lối của những quốc gia đang để cho càng đông công dân càng tốt được tham gia việc nước trong sự tự do đích thực. Tuy nhiên cần phải lưu ý tới hoàn cảnh thực tế của mỗi dân tộc cũng như tới uy quyền cần thiết của quyền bính quốc gia. Hơn nữa, để mọi công dân phần khởi tham dự vào cuộc sống của các đoàn thể tạo nên cơ cấu xã hội, thì họ cần phải tìm được trong những tổ chức ấy, những lợi ích lâu bền cho họ và giúp họ sẵn sàng phục vụ người khác. Chúng ta có thể nghĩ một cách hợp lý rằng số phận mai sau của nhân loại nằm trong tay những người có khả năng trao cho hậu thế những lý do để sống và để hy vọng.

32. Ngôi Lời Nhập Thể và tình liên đới nhân loại. Thiên Chúa đã dựng nên con người không phải để sống riêng rẽ nhưng để tạo nên sự liên kết xã hội. Cũng thế "... Thiên Chúa không muốn thánh hóa và cứu rỗi loài người cách riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Ngài muốn qui tụ họ thành một dân tộc để họ nhận biết chính Ngài trong chân lý và phụng sự Ngài trong thánh thiện" ¹³. Ngay từ khởi đầu lịch sử cứu rỗi chính Ngài đã chọn con người, không phải với tính cách như những cá nhân, nhưng như những phần tử của một cộng đoàn. Thực thể, trong khi Thiên Chúa biểu lộ ý định của Ngài, Ngài cũng đã gọi những người được chọn là "dân Ngài" (Xac 3,7-12), hơn nữa còn ký kết giao ước với dân ấy tại Sinai ¹⁴.

Tính chất cộng đoàn này nhờ công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô được kiện toàn và hoàn tất. Chính Ngôi Lời Nhập Thể đã muốn chia sẻ tình liên đới nhân loại. Người đã hiện diện tại tiệc cưới Cana, đã vào nhà Giakêu, đã ăn uống với những người thu thuế và những người tội lỗi. Người đã mạc khải tình yêu thương của Chúa Cha và sứ mệnh cao cả của con người, khi Người nhắc tới những điều hết sức thông thường trong xã hội và dùng những kiểu nói cũng như những hình ảnh hoàn toàn thuộc cuộc sống thường nhật. Tự ý tuân phục những luật lệ trong quốc gia Người, Người đã thánh hóa những mối liên hệ của con người, nhất là những liên hệ thuộc về gia đình là nguồn gốc phát sinh những liên hệ xã hội. Người đã muốn sống cuộc sống của những thợ thuyền với người đương thời nơi quê hương Người.

Trong khi rao giảng, Người đã truyền dạy rõ ràng cho con cái Thiên Chúa phải cư xử với nhau như anh em. Lúc cầu nguyện, Người đã xin cho tất cả các môn đệ Người được nên "một". Hơn nữa, là Đấng Cứu Chuộc mọi người, chính Người đã tự hiến thân chết cho mọi người. "Chẳng ai có lòng thương yêu hơn kẻ liều mạng sống mình vì bạn hữu" (Gio 15,13). Người còn ra lệnh cho các Tông Đồ rao giảng sứ điệp Phúc Âm cho muôn dân để nhân loại trở nên gia đình của Thiên Chúa, trong đó sự sung mãn của lề luật chính là đức ái.

Là trưởng tử của một đoàn anh em đồng đức, sau khi chết và sống lại, Người đã thiết lập nhờ hồng ân của Thánh Thần Người một sự kết hiệp huynh đệ mới giữa tất cả những kẻ đón nhận Người với đức tin và đức ái trong chính Thân Thể của Người tức là Giáo Hội, ở đây mọi người là chi thể với nhau, tùy theo những ơn đã lãnh nhận mà phục vụ lẫn nhau.

Tình liên đới này cần phải được gia tăng luôn mãi cho tới ngày nó được hoàn tất, và ngày đó nhờ được ơn thánh cứu thoát, loài người như một gia đình được Thiên Chúa và Chúa Kitô là Anh yêu thương, sẽ dâng lên Thiên Chúa lời chúc tụng toàn hảo.

Chú Thích:

26* Chương này bổ túc chương I.

1) Con người có bản tính xã hội, theo ý Đấng Tạo Hóa: con người đều bởi một Chúa, đều là một loại, đều có chung một cùng đích. Lời Chúa mạc khải: như trong điều răn thứ nhất, trong ý nguyện của Chúa Giêsu cũng như trong tính cách con cái một Thiên Chúa Ba Ngôi cũng xác nhận điều ấy (số 24).

2) Do đó con người cần nhờ xã hội để phát triển. Xã hội là để phục dịch con người. Nhưng nếu con người không sinh hoạt trong xã hội vì công ích thì không có xã hội. Sự nhượng bộ lợi ích riêng cốt để nhờ công ích xã hội mà giúp đỡ từng cá nhân. Đàng khác nhiều khi lý tưởng đó còn xa vời: do thiếu sót về kinh tế, về chính trị, về xã hội (lầm lúc do tội ích kỷ và kiêu ngạo gây nên). Trong trường hợp ấy xã hội làm thiệt hại cho con người (số 25).

3) Nên phải tôn trọng ích chung của cả thể giới cốt cố võ quyền lợi căn bản cá nhân. Cần phải canh tân tâm trạng dưới ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần và theo tinh thần Phúc Âm (số 26).

4) Phải tôn trọng nhân vị mọi người. Công Đồng nhắc tới một số người thường vẫn chưa được tôn trọng, và một số tội lỗi của xã hội ngày nay là vết nhơ cho nền văn minh và cho chính kẻ phạm tội đó; những tội lỗi đó quả thực làm ô danh Thiên Chúa (số 27).

5) Không tiêu diệt đối phương: tôn trọng nghĩa là tìm hiểu và đối thoại, là lên án sự sai lầm chứ không xét đoán ý kín đáo của kẻ sai lầm. Hơn nữa, ta phải yêu thương kẻ làm hại ta (số 28).

6) Phải công nhận mọi người đều bình đẳng về quyền lợi căn bản vì cùng một bản tính, một nguyên thủy, một cùng đích và cũng được cứu chuộc như nhau. Nên, phải loại trừ mọi phân biệt về quyền lợi đó trên phạm vi cá nhân, trong sinh hoạt xã hội, văn hóa và chính trị dù có những sự khác biệt phụ thuộc (số 29).

7) Luân lý cá nhân phải nhượng bộ cho luân lý nhấn mạnh về nhiệm vụ xã hội: Công Đồng vừa diễn tả thái độ theo luân lý xã hội, vừa nêu ra vài thí dụ cụ thể trái ngược với luân lý ấy (số 30).

8) Để được như vậy phải giáo dục xã hội và canh tân tâm trạng hướng sinh hoạt. Công dân phải lần lần góp phần vào đời sống chính trị (số 31). Hoạt động và lời Chúa mạc khải xác nhận khía cạnh xã hội của con người: đặc biệt khi tập trung loài người như anh em, như chi thể của một thân thể. Tình liên đới ấy sẽ hoàn thiện hóa ở đời sau (số 32).

1 Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 401-464; - và Tđ. Pacem in terris, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 257-304. - Phaolô VI, Tđ. Ecclesiam suam, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 609-659.

2 Xem Lc 17,33.

27* Điều hòa quyền lợi của xã hội (số 26) và quyền lợi cá nhân (số 27) trong thực tế rất khó, chẳng hạn thật là rất nguy hiểm nếu dựa trên tiêu chuẩn về lượng để xét định những đòi hỏi của công ích. Những bảng thống kê về kết quả kinh tế xã hội (sự gia tăng sản xuất, mức độ sinh hoạt, công trình thịnh vượng, trừng phạt tội trạng, v.v...) đã có thể vi phạm nhân vị dù chưa nói gì về phương pháp được xử dụng. Trong trường hợp ấy các kết quả mỹ mãn đó không phục vụ công ích! Làm hại hay tiêu diệt các nhóm thiểu số để đạt tới mục tiêu của đa số cũng là một ví dụ (x. số 59, 73).

3 Xem T. Tôma, 1 Ethic., lect. 1.

28* Gọi là chế độ "công pháp hay tư pháp" tùy theo liên quan đến ích lợi chung hay ích lợi riêng. Ví dụ hệ thống tư pháp cũng có tính cách công pháp vì là cần thiết cho công ích. Hệ thống đó nhằm bảo vệ những quyền lợi riêng của từng cá nhân hay của từng pháp nhân (chính quốc gia cũng có quyền lợi riêng như vậy): những quyền lợi ấy thuộc về tư pháp.

4 Xem Gioan XIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 418. - Xem thêm Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno, 15-5-1931: AAS 23 (1931), trg 222tt.

5 Xem Gioan XIII, Tđ Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 417.

6 Xem Mc 2,27.

7 Xem Gioan XIII, Tđ Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 266.

29* Không những sự giao thiệp giữa cá nhân với cá nhân và giữa cá nhân với quốc gia, mà cả những hoạt động của chính quyền và của các quốc gia với nhau cũng phải dựa trên bốn cột trụ này: chân lý, công bình, tình yêu, tự do. Phải chăng Công Đồng có lý khi đòi hỏi phải canh tân tâm trạng và đổi mới ngay chính xã hội nữa.

8 Xem Giac 2, 15-16.

9 Xem Lc 16, 19-31.

30* Phá thai là tội trọng đi ngược với sự sống (MV 51b). Giết thai nhi khi chưa thành hình (chừng 6 tuần đầu) có lẽ không phải sát nhân (thần học cũng như khoa học chưa chắc chắn về vấn đề thai nhi ấy đã sống do linh hồn nhân loại chưa), nhưng chắc chắn sự phá thai đó là giết mạng sống đã có đặc tính nhân loại. Hơn nữa vì có lẽ đã có linh hồn nhân loại rồi, nên phá thai là liều lĩnh giết người và đó là một tội, và sát hại một kẻ không những hoàn toàn vô tội mà còn là đứa con của chính kẻ sát nhân. Dù trường hợp người mẹ rất nguy, cũng không thể giết thai nhi để cứu mẹ: mạng sống của thai nhi cũng như của chính người mẹ là thuộc quyền của Chúa: không ai có quyền cắt đi. Không bao giờ được phép làm sự dữ, dù với mục đích tốt lành. Chẳng may, vì lý do có nhiều vụ phá thai bất hợp pháp và làm trong những hoàn cảnh thiếu cẩn thận (nhiều khi do người không phải là bác sĩ và thiếu phương tiện), thì có quốc gia lập luật cho phép phá thai với một số điều kiện bảo đảm. Phải hiểu rõ là dù có luật như thế đi chăng nữa, "cho phép" chỉ có thể có nghĩa là luật pháp không coi vụ phá thai đó là tội trọng mà các tòa án phải trừng phạt; chứ không có nghĩa phá thai không phải là tội. "Phá thai... là tội ác đáng ghê tởm" (MV 51c). Giáo Hội phạt tội này với vạ tuyệt thông cho tất cả những ai góp phần hiệu lực cho việc phá thai.

31* Tức là làm cho những người bệnh nặng, tàn tật, già nua, mau chết để khỏi phải kéo dài sự đau đớn. Hành động có vẻ nhân đạo nhưng thực sự là tội sát nhân, và tỏ lòng ích kỷ (bệnh nhân nào lại không quấy rầy kẻ chung quanh) hơn là tỏ lòng bác ái.

32* Sự lầm lạc vẫn đáng ghét vì không hợp với bản tính con người đã có lý trí để hiểu biết sự thật. Sự lầm lạc trong phạm vi luân lý nhất là do tội còn đáng ghét hơn nữa vì nó làm cho con người nên xấu xa và có thể ảnh hưởng trên người khác rất nhiều. Nhưng chính người lầm lạc vẫn còn là con người phải được tôn trọng. "Lầm lẫn thì không có quyền lợi": nghĩa là bản tính con người đòi hỏi rằng phải nỗ lực để loại trừ sự lầm lạc. Dĩ nhiên chỉ con người mới có thể có quyền lợi. Thế thì kẻ lầm lạc không có quyền để lầm lạc, nhưng vẫn có quyền để được kính trọng như con người, mặc dầu đã lầm lạc (về vấn đề này Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo còn nói rõ hơn).

10 Xem Gioan XXIII, Tđ. *Pacem in terris*: AAS 55 (1963), trg 299-300.

11 Xem Lc 6,37-38; Mt 7,1-2; Rm 2,1-11; 14,10-12.

12 Xem Mt 5,43-47.

33* Đây chỉ là một thí dụ về việc kỳ thị căn cứ vào giới tính. Trong xã hội thẩm nhuần văn minh Nho Giáo và Phật Giáo, sự kỳ thị này có ít hay nhiều, tùy trường hợp (coi sau này: số 60c).

34* Đức công bằng giúp ta trả cho mọi người của riêng họ. Từ xưa đã có thói quen phân biệt công bằng giao hoán đối với từng phần tử xã hội, giúp mỗi người trao trả cho người khác tất cả những gì mà kẻ ấy có quyền đòi hỏi; công bằng pháp lý đối với chính cộng đoàn xã hội, khiến mọi cá nhân hoạt động theo những đòi hỏi của ích chung; công bằng phân phối của xã hội (nhờ các đại diện của xã hội) đối với mọi phần tử cộng đoàn, thúc đẩy xã hội phân chia nhiệm vụ cũng như quyền lợi giữa phần tử của cộng đoàn một cách chính đáng. Theo văn kiện của Tòa Thánh (Đức Piô XI và XII): công bằng xã hội phải được hiểu như công bằng pháp lý tổng quát, nghĩa là nhân đức khiến mọi phần tử của xã hội thực hiện mọi nhân đức khác mỗi khi ích chung đòi hỏi như vậy (theo như Thánh Tôma dạy, II-II, q. 58, a. 5-7 (x. Calvez-Perrin, *Eglise et Société économique*. L'Enseignement social des Papes de Léon XIII à Pie XII, Paris 1959, trg 192-203 và 543-567).

"Aequitas" (lẽ phải) là danh từ có nghĩa gần giống danh từ công bằng, nhưng phong phú hơn: không chỉ dựa trên nguyên tắc pháp lý để giải quyết một vấn đề, mà còn cố gắng cân nhắc các hoàn cảnh chủ quan cũng như khách quan. Sự trọng tài giữa người phá hoại và nạn nhân có lẽ không thỏa mãn đòi hỏi của nguyên tắc công bằng giao hoán, nhưng trong hoàn cảnh thực tế rất có thể là giải pháp tốt nhất: thích hợp cho con người.

35* Phải chăng đây là điều hơi lạ khi Công Đồng chỉ nêu ra lý do nhất thời của những xu hướng hiện đại? Nếu con người có bản tính xã hội (Công Đồng đã xác nhận điều này ở trên, số 24-25), phải chăng con người không thể chỉ hoạt động tuân theo một luân lý cá nhân? Ngoài ra, đức tin lại không nhấn mạnh rằng đức bác ái là trên hết hay sao? ... Tổ cáo Giáo Hội chỉ mới bắt đầu lưu tâm đến các vấn đề xã hội từ cuối thế kỷ 19, nghĩa là sau cuộc cách mạng kỹ thuật và theo sau các phong trào xã hội chủ nghĩa, tổ cáo như thế chỉ là không biết lịch sử mà thôi (ví dụ như từ trong CvTđ 2, 44-45; 4,32-35 đến các nhà Dòng chuyên lo

chuộc lại những người bị tù hay chuyên săn sóc bệnh nhân v.v...). Nhưng đảng khác không thể phủ nhận được rằng những triết thuyết từ thời cải cách tin lành trở đi đã ảnh hưởng tới quan niệm tôn giáo rất nhiều đến nỗi có nhiều tín hữu đạo đức trong các bốn phận cá nhân mà lại không biết tôn trọng công bằng và bác ái xã hội chút nào. "Tôi không giết người, không cướp của người" là những câu năng được nghe và chúng đã tỏ lộ thứ quan niệm ấy. Thế thì làm thiệt hại cho tha nhân, không kính trọng quyền lợi của tha nhân không phải là cách giết và cướp của người ta hay sao? Ngoài ra họ có lo gì cho những đòi hỏi của ích chung không?... Và lại trước đây trong các lớp dạy giáo lý và luân lý thần học cũng gần như chỉ biết nhấn mạnh thái độ cá nhân về các bốn phận luân lý. Dạy về bốn phận cá nhân đối với cá nhân tương đối là dễ; trái lại dạy về bốn phận đối với tha nhân vô danh và đối với ích chung thì khó. Chắc chắn là cần phải nhấn mạnh đến các nguyên tắc và đào tạo lương tâm của mọi giáo dân để họ trưởng thành và biết tự xét đoán mọi hoàn cảnh, hơn là tiếp tục để cho họ chỉ biết hoạt động theo những giải quyết từng chi tiết của các giáo sĩ. Số 31 phác họa một chương trình căn bản về việc giáo dục xã hội.

13 CĐ Vat. I I, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. I I, số 9: A AS 57 (1965), trg 12-13.

14 Xem Xac 24,1-8.

VỀ MỤC LỤC

CHÚA PHẠT?

Đứng trước những thảm cảnh như vụ khủng bố 11 tháng 9 năm 2001 tại Mỹ, trận động đất kinh hoàng mới xảy ra tại Haiti, New Zealand, và hiện nay là cơn động đất-sóng thần khủng khiếp đang gây bao đau khổ tại Nhật Bản, và biết bao những thảm kịch khác thỉnh thoảng vẫn xảy ra trong cuộc đời như bệnh tật, tai nạn, rủi ro,... có vài người nhận định: "Những sự việc này là hình phạt Chúa giáng xuống những người tội lỗi." Bạn nghĩ sao? Có người khác lại cho rằng Thiên Chúa giống như một người cha đôi khi dùng hình phạt nghiêm khắc để răn dạy con cái? Bạn có đồng ý với ý kiến này không?

Đứng trước một vấn đề nan giải, khuynh hướng phổ biến của con người là tìm cho ra một câu trả lời. Nghe thì có vẻ mâu thuẫn nhưng thực tế là người ta dễ kết luận một cách vội vàng thiếu căn cứ cho những vấn đề phức tạp đòi hỏi phải có nhiều thời gian suy tư, nghiên cứu. Vấn đề mà ta đề cập ở trên là một vấn đề rất phức tạp và cần được xem xét một cách có cơ sở.

Trong truyền thống Kitô giáo, tiêu chuẩn chân lý tối thượng của chúng ta là chính Chúa Giêsu Kitô. Mọi nhận định về Thiên Chúa phải được đối chiếu với mạc khải của Chúa Giêsu qua lời dạy và cuộc sống của Người. Nếu không, ta rất dễ hiểu sai về Thiên Chúa và gây ra những hậu quả đáng tiếc cho đức tin của chính mình cũng như của anh chị em. Ta cùng trở lại câu hỏi đã đặt ra: Thiên Chúa có ra tay trừng phạt tội lỗi con cái nhân loại bằng những đau khổ như thiên tai, bệnh tật, rủi ro không?

Mời bạn cùng nhìn vào tiêu chuẩn tối thượng của chúng ta: Đức Giêsu Kitô. Đức Giêsu gọi Thiên Chúa là *Abba*, nghĩa là Cha, là Bố. Thiên Chúa và người Cha đó đã làm gì cho nhân loại? Đức Giêsu khẳng định "**Ai thấy tôi là thấy Cha.**" (Gioan 12:45) Ta thấy gì nơi Đức Giêsu? Có bao giờ Đức Giêsu làm hại ai chưa, ngay cả tội nhân? Có bao giờ Người gây ra đau khổ cho ai không? Không biết bạn có tìm được một bằng chứng nào trong Tin Mừng về việc Chúa Giêsu phạt tội nhân hay không chứ mình thì hoàn toàn không. Ngược lại, mình chỉ tìm được vô số những bằng chứng về sự tha thứ, lòng nhân hậu và tình thương yêu của Người dành cho những người tội lỗi, trong đó có bản thân mình. Nói rõ hơn một chút, Chúa Giêsu ôm trọn lấy tất cả mọi cuộc đời, đặc biệt là các tội nhân: "*Những người khỏe mạnh thì không cần thầy thuốc, nhưng những người đau yếu thì cần. Hãy đi và học cho biết điều này: Ta muốn lòng nhân từ chứ không cần lễ tế. Tôi đến không phải để kêu gọi những người công chính, nhưng để kêu gọi những người tội lỗi.*" (Mt 9:12-13, cf. Ed 18:31-32). Thậm chí khi những kẻ được Người chăm sóc phản bội và ra tay giết chết mình, Chúa Giêsu vẫn chan chứa

một tình thương không bao giờ đổi thay. Trong trái tim Người không hề có bóng dáng của hận thù, của trừng phạt. "Phương pháp giáo dục" của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Giêsu là "yêu thương cho đến cùng" chứ không phải "quất vài roi thật đau cho chữa cái tật". Thiên Chúa muốn con cái mình tương quan với Người bằng tự do yêu mến chứ không phải bằng khúm núm sợ sệt.

Tóm lại, Thiên Chúa mà chúng ta tin là Thiên Chúa được mạc khải bởi Đức Giêsu. Thiên Chúa ấy không thể nào gây ra những thảm cảnh cuộc đời như khủng bố, thiên tai, bệnh tật, giết chóc, v.v... Không, Thiên Chúa không thể làm những chuyện như thế, không phải vì Người không đủ sức làm, nhưng vì **Người là Tình Yêu** (1Ga 4:16). Những thảm cảnh này là do các nguyên nhân khác mà ta phải tìm hiểu cho kỹ lưỡng.

Có thể ai đó vẫn thắc mắc: "Nếu Thiên Chúa không làm những điều tiêu cực ấy, vậy Thiên Chúa ở đâu? Chẳng lẽ Người bỏ mặc con cái?" Để trả lời câu hỏi này, cần phải có nhiều thời gian và giấy bút. Trong giới hạn ở đây, ta có thể vắn tắt thế này: Hãy chiêm ngắm những người đang cố gắng hết sức để cứu sống các nạn nhân, dẫn thân không quản ngại nguy hiểm, hy sinh giúp đỡ để khắc phục hậu quả của thảm cảnh,... Thiên Chúa ở đấy đấy.

Joseph Viêt, O.Carm.

VỀ MỤC LỤC

MỘT ĐỜI NGƯỜI, MỘT CHUYẾN ĐI

(St. 12, 1 – 4.)

"Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà người, mà đi tới đất Ta sẽ chỉ cho người.

Xưa Chúa gọi Abraham đi theo Chúa, vốn vẹn chỉ là một lời mời gọi, nhưng là một lời mời gọi từ bỏ, bỏ những gì gần bó nhất, bỏ nhưng gì thân thương nhất, bỏ những gì con người đã dùng một đời của mình để xây đắp, để vun trồng, để xây dựng.

Đi theo lời Chúa chỉ, đến một nơi chưa hề biết, một hành trình hoàn toàn phiêu lưu, không tự mình định hướng, không tự mình lên kế hoạch, không tự mình sắp xếp.

Chỉ với một lời hứa : *"Ta sẽ làm cho người thành một dân lớn, sẽ chúc phúc cho người. ... Người sẽ là một mối phúc lành".*

Hơn một lần Chúa đã gọi ta đi theo Ngài, nhớ lại những điệu cảm ban đầu đó. Rồi rũ bỏ mọi sự, rồi hăng hái lên đường.

Nhưng bây giờ thì sao? Có còn sự liều lĩnh đó không? Có còn những bước sỏi thăng thang như ngày đó không? Có lòng nặng trĩu sứ vụ nhưng gánh hành trang nhẹ tênh nợ nần thế gian như ngày đó không?

Con cảm tạ Chúa đã tách con như đã tách Phêrô, Gioan và Giacôbê. Tách khỏi thế gian.

Con cảm tạ Chúa đã cho con được thấy vinh quang của Chúa.

Con cảm tạ Chúa đã nhắc con chỉ "vâng nghe lời Ngài".

Con cảm tạ Chúa vẫn gọi con đi cho dù con bất xứng.

Lạy Chúa, xin gìn giữ con trong ân nghĩa của Chúa.

Lm. Vinh Sơn Phạm Trung Thành, dcct.

LUÂN LÝ Y HỌC : VẤN ĐỀ TRỢ SINH CHO BỆNH NHÂN NGUY TỬ.

Hỏi: xin cha cho biết giáo lý của Giáo Hội về hai vấn đề chết êm dịu (euthanasia) và cung cấp lương thực và nước uống cho bệnh nhân mà y khoa đã bó tay cứu chữa.

Trả lời:

Sự sống là quà tặng linh thánh (sacred gift) mà Thiên Chúa ban cho con người và chỉ một mình Ngài có toàn quyền trên sự sống đó mà thôi. Chính vì thế mà Thiên Chúa đã truyền lệnh cho dân Do Thái xưa và toàn thể nhân loại ngày nay: **"người không được giết người"**(Xh 20:13; Mt 5:21-22).

Thi hành mệnh lệnh này của Thiên Chúa, Giáo Hội đã nêu rõ những trường hợp phải bảo vệ sự sống của con người bằng mọi giá, nghĩa là không được phép làm bất cứ điều gì có thể nguy hại đến sinh mạng của ai, dù chỉ là một thai nhi chưa ra đời.

Liên quan đến vấn đề chữa trị cho các bệnh nhân hiểm nghèo, y khoa ngày nay, đưa ra 2 trường hợp để cho phép chấm dứt sự sống của một bệnh nhân mà y khoa cho là đã hết hy vọng cứu chữa.

I- Trường hợp thứ nhất: liên quan đến các bệnh nhân bị các chứng nan y hay tật nguyền, đau đớn và đang chết dần chết mòn mà y khoa đã chịu bó tay, không thể cứu chữa được nữa. Không chữa được mà để bệnh nhân chịu đau đớn hành hạ lâu ngày là điều vô ích theo lý luận của y khoa. Vì thế, họ đề nghị giải pháp chích thuốc cho chết êm ái, (euthanasia) để khỏi kéo dài sự đau khổ cho bệnh nhân và tốn phí cho gia đình.

Đây là giải pháp của y khoa dựa trên những dữ kiện thực tế và khoa học. Nhưng trên bình diện luân lý, đạo đức thì giải pháp này hoàn toàn không thể chấp nhận được, vì nó vi phạm đến quyền tối thượng của Thiên Chúa trên mạng sống của con người.

Vì thế Giáo Hội đã dạy như sau: **"Dù với lý do nào và với phương tiện nào đi nữa, trực tiếp làm cho chết êm ái cũng chỉ là chấm dứt cuộc đời của những người bị khuyết tật, đau yếu hoặc đang chết dần chết mòn. Về mặt luân lý, điều này không thể chấp nhận được."** (SGLGHCG, số 2277).

Nói rõ hơn, Giáo Hội không cho phép dùng bất cứ phương pháp nào có mục đích chấm dứt sớm sự sống của một bệnh nhân, dù cho y khoa đã bó tay cứu chữa. Nghĩa là phải tôn trọng tiến trình tự nhiên của sự chết (natural death) chứ không được can thiệp cách nào để đẩy nhanh tiến trình tự nhiên này theo ý muốn của con người.

Nhưng cũng cần nói thêm về trường hợp bệnh nhân, đang được các phương tiện trợ sinh như máy giúp cho thở (techniques of resuscitation) trong các phòng săn sóc đặc biệt (Intensive Care Unit). Bao lâu cơ thể còn cần đến các phương tiện này, thì không được phép ngưng cho sử dụng. Ngược lại, chỉ khi nào các cơ năng chính yếu như não bộ, tim phổi và thận đã ngưng làm việc, nhưng bệnh nhân vẫn còn thoi thóp thở vì nhờ có máy hoạt động thì khi đó được phép rút các phương tiện trợ sinh kia ra.

II- Trường hợp thứ hai: liên quan đến những bệnh nhân ở trong tình trạng gọi là "thảo mộc = vegetative state". Đó là trường hợp những bệnh nhân bị hôn mê bất tỉnh (coma) mà mọi phương pháp cứu chữa của y khoa đã vô phương giúp cho phục hồi. Tình trạng hôn mê này cứ kéo dài khiến bệnh nhân không tỉnh lại mà cũng không tắt hơi thở. Đó là tình trạng của một bệnh nhân tên là Chiavo bên Florida cách nay 6 năm trước khi chết (2005). Vì bệnh nhân cứ thoi thóp trong cơn hôn mê bất tỉnh này từ nhiều năm và mọi phương pháp cứu chữa đã trở nên vô hiệu, nên người chồng, với sự hỗ trợ của các bác sĩ trị liệu, đã xin tòa cho phép rút ống truyền nước và đồ ăn lỏng ra khỏi cơ thể bệnh nhân. Tòa cho phép và người ta đã rút ống truyền kia ra và chỉ vài ngày sau đó bệnh nhân đã tắt thở. Tòa Thánh đã

phê phán việc này là vô luân. Và cũng nhân vụ này, Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ, trong thách mắc gửi sang Tòa Thánh tháng 7 năm 2005, đã nêu hai câu hỏi sau đây:

1- Có bó buộc về luân lý để cung cấp đồ ăn và nước uống cho các bệnh nhân trong tình trạng "thảo mộc = vegetative state" không? (trừ trường hợp cơ thể của bệnh nhân không còn tiếp nhận được nữa)

2- Có được phép ngưng việc cung cấp đồ ăn và nước uống cho bệnh nhân trong tình trạng trên nếu bác sĩ đã kết luận là bệnh nhân sẽ không bao giờ hồi tỉnh lại được nữa?

Để trả lời cho hai câu hỏi này, ngày 01 tháng 8 năm 2007, Đức Hồng Y William Lavada, Tổng Trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin (Congregation of the Doctrines of the Faith) của Tòa Thánh đã trả lời rõ như sau :

1- Về câu hỏi thứ nhất, câu trả lời là **CÓ**. Việc tiếp đồ ăn và nước uống, dù bằng phương pháp nhân tạo, trên nguyên tắc, cũng là phương tiện thích đáng để bảo toàn sự sống. Do đó, bó buộc phải cung cấp đồ ăn và nước uống cho bệnh nhân. Như vậy sẽ tránh cho bệnh nhân khỏi đau khổ và chết vì đói và khát nước. (suffering and death by starvation and dehydration)

2- Về câu hỏi thứ hai, câu trả lời là **KHÔNG**. Lý do, bệnh nhân dù ở trong tình "trạng thảo mộc thường xuyên = permanent vegetative state", thì vẫn là con người với đầy đủ nhân phẩm, nên phải được săn sóc bình thường và cân xứng, kể cả được cung cấp đồ ăn và nước uống dù với phương tiện nhân tạo (artificial means).

Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã chấp thuận hai câu trả lời trên đây, khi tiếp kiến Đức Hồng Y Tổng Trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin và cho phép công bố các câu trả lời trên đây. (Origins, September 2007, Volume 37, Number 16).

Như vậy, Tòa Thánh **không cho phép** việc ngưng tiếp đồ ăn và nước uống, dù bằng phương pháp nhân tạo, cho bệnh nhân lâm vào tình trạng vegetative state (thảo mộc) mê man bất tỉnh, dù y khoa có cho việc này là vô ích đối với bệnh nhân trong trường hợp này.

Đây là vấn đề luân lý y khoa (medical ethics) mà các y sĩ, y tá và tín hữu Công giáo cần nắm vững để thi hành khi chăm sóc bệnh nhân.

LM. Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huân.

VỀ MỤC LỤC

THÁNH GIUSE: MẪU GƯƠNG CỦA VIỆC SỐNG LỜI KHẨN VÂNG PHỤC

Mt 1, 18-25

Trình thuật truyền tin cho ông Giuse kể lại rằng: "*Bà Maria đã thành hôn với ông Giuse*" nghĩa là về mặt pháp lý mà nói, hai ông bà đã thành vợ thành chồng với nhau. Ngày đón dâu tuy chưa đến nhưng sớm muộn gì cũng sẽ đến và hạnh phúc trong tầm tay. Thế nhưng, một biến cố đã xảy ra, hoàn toàn trái ngược với kế hoạch hạnh phúc riêng tư của hai ông bà. Đó là: trước khi hai ông bà về chung sống với nhau thì "*bà Maria đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần*". Đứng trước biến cố đó, các sách Tin mừng không ghi lại một mảy may băn khoăn thắc mắc nào của ông Giuse về tiết hạnh của người bạn đời, cũng không nói gì đến một sự thất vọng, chán nản buồn phiền hay giận dữ nào của ông đối với Bà Maria.

Biết được bà Maria người bạn đời yêu quý, thụ thai một cách lạ lùng, ông Giuse tôn trọng công trình của Thiên Chúa nơi Bà Maria. Ông tự nhủ: mình không được quyền đem về nhà mình một kẻ mà Thiên Chúa đã dành riêng cho Người, mình cũng không được phép để cho người đời nghĩ rằng: *mình là cha của đứa trẻ siêu phàm*.

Trước mầu nhiệm ấy ông Giuse muốn âm thầm rút lui vì tế nhị đối với Thiên Chúa và vì

không muốn tiết lộ mầu nhiệm thần linh nơi người bạn đời của ông. Thế nhưng khi được sứ thần báo mộng: *"Này ông Giuse là con cháu vua David, đừng ngại đón Maria, vợ ông về, vì người con bà cứ mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu vì chính Ngài sẽ cứu dân Ngài khỏi bị tội lỗi của họ"* (Mt 1, 20-21).

Được sứ thần báo mộng, ông Giuse không còn thụ động nữa, thức dậy ông tuân hành răm rắp lệnh truyền *"rước vợ về nhà"*, và khi bà Maria đã sinh con, ông đặt tên cho con trẻ là "Giêsu", đưa con trẻ vào dòng tộc vua Đavit và đóng vai trò là người bạn đời của Đức Trinh Nữ Maria, là dưỡng phụ của Đức Giêsu.

Ông Giuse là một con người trầm lặng, ông hành động chứ không nói. Ông luôn lắng nghe và vâng phục thánh ý Chúa một cách chóng vánh và triệt để. Có thể nói cả cuộc đời của ông Giuse là luôn tỉnh thức trước thánh ý của Thiên Chúa. Ông tỉnh thức cả trong giấc ngủ nữa. Do đó, ông có thể nghe được tiếng Chúa trong giấc mộng. Tin mừng Matthêu kể lại rằng: ngoài lần nằm mộng ở Nazaret *"đừng ngại đón Maria vợ ông về"* thì còn ít nhất ba lần nữa ông đã nghe được tiếng Chúa trong giấc mộng. Tại Bêlem, trong một đêm đông rét mướt ông Giuse đã được sứ thần báo mộng *"Dậy đem Hài Nhi và Mẹ Ngài trốn sang Ai Cập và cứ ở đó cho đến khi tôi báo lại vì vua Hêrôđê sắp tìm giết Hài Nhi đấy"* (Mt 2, 13-14). Tại Ai cập, khi những ngày đầu gian khổ khó khăn đã qua, cuộc sống nơi đất khách quê người xem như đã tạm ổn thì đang đêm lại được sứ thần báo mộng: *"Này ông Giuse, dậy đem Hài Nhi và Mẹ Ngài về đất Israel vì những kẻ tìm giết Hài Nhi đã chết rồi, ông liền chỗi dậy đem Hài Nhi và Mẹ Ngài về đất Israel"* (Mt 2, 20-22). Tại đất Israel khi nghe biết Ac-kê-lao lên kế vị vua Hêrôđê cai trị miền Giuđê nên *"ông sợ ... thế là vừa được sứ thần báo mộng ông liền chỗi dậy đưa Hài Nhi và Mẹ Ngài trở về Galilê định cư tại Nazaret, một làng quê nghèo ít ai biết đến"*.

Qua một vài nét chấm phá về con người và cuộc đời của Thánh Giuse, chúng ta nhận thấy rằng Ngài gặp rất nhiều truân chuyên, hết truân chuyên này đến truân chuyên khác ... Thế nhưng Thánh Giuse luôn vượt khó, chu toàn sự mệnh được uỷ thác: đó là bảo vệ Hài Nhi Giêsu mà trong một lần báo mộng nào đó Ngài được biết là *"Đấng Cứu Tinh nhân loại"*.

Thánh Giuse đã bảo vệ Hài Nhi Giêsu và mẹ Ngài trong trầm lặng nhưng rất hữu hiệu, bởi vì Ngài luôn kết hợp mật thiết với Thiên Chúa đến nỗi Ngài có thể nhận ra thánh ý của Thiên Chúa trong mộng báo và thi hành thánh ý ấy một cách triệt để, không do dự, không chần chờ, không sợ hãi gì cả.

Thánh tổ An-phong cho rằng: *"Sự trọn lành Kitô giáo thiết yếu được thể hiện trong việc yêu mến và sống theo thánh ý của Thiên Chúa"*. Nếu ta muốn thánh hoá chính mình thì tất cả những công việc ta phải làm chỉ là: *"đừng bao giờ làm theo ý riêng mà chỉ thực hiện thánh ý của Thiên Chúa"*. Sống theo thánh ý của Thiên Chúa đó là làm đẹp lòng Người, đó là bản chất của đức vâng phục. Nhưng để sống được nhân đức này điều kiện tiên quyết là phải từ bỏ ý riêng của mình để toàn tâm toàn ý sống điều Thiên Chúa muốn. Vậy, theo Thánh An-phong: *"Kẻ vào Dòng chúng ta phải từ bỏ hẳn ý riêng và hoàn toàn hy sinh nó cho đức vâng phục"*.

Nếu hiểu bản chất của đức vâng phục Kitô giáo là tuân phục thánh ý của Thiên Chúa thì thánh Giuse mãi mãi là tấm gương cho chúng ta, cho mọi tu sĩ, linh mục Dòng Chúa Cứu Thế nhất là cho các sinh viên đang trong giai đoạn đào tạo huấn luyện về việc sống lời khấn vâng phục.

Có thể nói: cả cuộc đời của Thánh Giuse là tìm thánh ý Thiên Chúa và vâng phục thánh ý Người một cách chóng vánh, dứt khoát và triệt để, dù đó là chén đắng đi chăng nữa.

Ước gì mỗi một sinh viên chúng ta trong giai đoạn đào tạo và tự đào tạo này hãy để cho Chúa Thánh Thần uốn nắn chúng ta trở nên những thừa sai Dòng Chúa Cứu Thế như lòng Chúa mong muốn, bằng việc chúng ta làm theo sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần qua các Bề Trên, qua Ban Giám Đốc, qua các cha giáo, qua các cha các thầy trong Dòng, qua các giáo dân mà chúng ta gặp gỡ trong cuộc sống, qua việc chúng ta làm theo sự hướng dẫn của Hiến pháp và Quy luật, của nội quy Học Viện, của ý kiến tập thể ...

Chúng ta càng khiêm tốn vâng phục thánh ý của Thiên Chúa bao nhiêu thì càng đón nhận được nhiều ân huệ Chúa ban cho chúng ta bấy nhiêu, qua những con người tuy còn nhiều giới hạn nhưng đã được Thiên Chúa ủy thác cho công việc đào tạo huấn luyện chúng ta ... hầu ngày mỗi ngày chúng ta thành quà tặng cao quý Chúa ban cho tha nhân nhất là cho những người nghèo đói túng cực, những người tật bệnh mà chúng ta đã chọn như là đối tượng ơn gọi của Hội Dòng chúng ta.

Thánh Giuse mãi mãi là mẫu gương cho chúng ta sống lời khấn vâng phục.

Lm. Anmai, C.Ss.R.

VỀ MỤC LỤC

NGŨ NGÔN THỜI BẮN LOẠN (KỲ 22)

Ngũ ngôn 69

Chú nai vàng rong chơi chốn thị thành, ngạc nhiên về bao điều xa hoa lộng lẫy. Ngày còn ở trong rừng, chú nghe bảo rằng chỉ có rừng là thiên đường hạ giới, còn thiên hạ đều là nơi đói nghèo lạc hậu. Chú cứ đi, đi hoài, hết nhìn rồi lại suy, hết suy rồi lại lẩm bẩm một mình. Hoá ra thiên hạ còn "lắm kẻ giòn hơn ta".

Ngày tháng như thoi đưa thắm thoát cũng cả nửa đời nai. Nai nghe nói rừng xưa giờ đây phát triển lắm rồi, chẳng còn cảnh cọp lớn nuốt cỏ bé, voi già đạp hươu non như ngày còn hồng hoang. Thế là nai quyết định hồi hương thăm rừng cũ.

Ngày nai về, hội đồng rừng ra tận bìa rừng chào đón sau khi đã ráo riết chuẩn bị, nào là những con thú dữ phải nằm yên nín thở, nào là những con cỏ con hươu bị thương phải dìm xuống suối, nào là những quãng rừng bị đào xới phải dùng lá cây lấp hết.

Khi những tia nắng rạng rỡ đầu ngày ló dạng thì nai, bây giờ là thủ lĩnh vườn sinh học nổi tiếng ở thành đô, về đến rừng xanh. Chuyển chuyên cơ chỗ nai vừa đáp xuống bìa rừng, lập tức sư tử và cọp mím cười dịu dàng, voi và tê giác cùng hát vang (giọng họa mi chơi play back), rắn và trăn uốn éo những vũ điệu giấu mỏ (làm nai cứ nghĩ là nọc độc đã tan theo những mùa mưa nắng).

Thế là nai hoà vào vũ hội quên cả trời mây. Nai quên mất là mình phải vào sâu trong rừng đi dạo để đỡ nhớ nhung rừng xưa hoa cũ. Nai say khướt với rượu nồng. Tiệc tàn thì nai lên chuyên cơ ra lại chốn thành đô.

Ngày hôm sau trên những bản tin buổi sáng, nai viết: "Rừng bây giờ đã phát triển ngàn lần hơn xưa, cây lá um tùm, chẳng còn cảnh phá rừng, chẳng còn cảnh cọp lớn nuốt cỏ bé, voi già đạp hươu non, tình yêu ngập tràn, nơi nơi đều phát triển". Bài báo được ký tên: Nai Phổ Trung Thực và Khôn Ngoan.

Lời bàn: Đập bàn.

Ngũ ngôn 70

- Trong quán ăn, con chim chích choè láu táu nhảy nhót làm gãy một chiếc đĩa, bị đánh năm roi.

- Đúng rồi, luật qui định nếu làm gãy cả đôi đĩa thì bị đánh mười roi.

- Trong trường học, con chim bồ câu làm rơi viên phấn, bị đánh năm roi.

- Đúng rồi, luật qui định nếu làm rơi cả hộp phấn thì bị đánh một trăm roi.

- Trong nhà hàng, chim đại bàng làm gãy răng chủ nhà hàng, bị phạt uống hết thùng bia.
- Đúng rồi, luật qui định (riêng cho đại bàng) nếu làm gãy cổ ai thì phải bị phạt uống bia đến quên lối về.

Gioan Lê Quang Vinh, VRNs

VỀ MỤC LỤC

CĂN TÍNH NGƯỜI TÍN HỮU GIÁO DÂN TRONG CÔNG ĐỒNG VATICAN II (1)

NGUYỄN HỌC TẬP

Một trong những thành quả lớn nhất của tiến trình canh tân Giáo Hội của Công Đồng Vatican II đó là việc vượt thắng được quan niệm tách biệt giữa giáo phẩm và giáo dân.

Trong các Hiến Chế của Công Đồng (*Lumen Gentium*, *Gaudium et Spes*...) thành phần của hàng giáo phẩm được thúc giục hãy biết đón nhận vai trò nhân vật chính của giáo dân cùng cộng tác với mình trong đời sống (*ad intra*) và trong sứ mạng (*ad extra*) của Giáo Hội (*cfr. Lumen gentium*, LG, 37).

Người tín hữu giáo dân được Công Đồng nhận biết như là chủ thể chính danh đầy đủ tư cách trong Giáo Hội.

1 - Từ Ki Tô hữu hạng hai trở thành đội ngũ tiên phong của Giáo Hội.

Thật tình mà nói, cho đến Công Đồng Vatican II, người tín hữu giáo dân, nam cũng như nữ, đều được coi là người tín hữu hạng hai trong Giáo Hội. Họ được xác nhận địa vị theo quan niệm tiêu cực, là những người " *không thuộc về hàng giáo phẩm và tu sĩ* " .

Hiểu một cách nào đó, người tín hữu giáo dân là những đứa con còn niên thiếu, thơ dại trong gia đình Giáo Hội, còn phải tùy thuộc vào những bậc đàn anh của mình, nắm tay dắt đi.

Lý do tại sao sau trên dưới 2000 năm Ki Tô giáo được truyền bá trên thế giới, dòng lịch sử, nhất là lịch sử Giáo Hội có thể trả lời thoả đáng cho chúng ta, tưởng không cần nhắc lại và cũng không phải là chủ đề chúng ta muốn đề cập đến trong bài đang viết.

Với Công Đồng Vatican II nhấn quang vừa kể đối với người tín hữu giáo dân đã bị thay đổi và vượt lên trên.

Trước tiên Công Đồng đưa ra một *căn tính* (*identité*) khác đối với người tín hữu giáo dân, bởi vì họ là thành phần đa số trong Giáo Hội.

Thật vậy, Hiến Chế *Lumen gentium* phát hoạ căn tính của người tín hữu giáo dân bằng những ngôn từ sau đây: người tín hữu

- " *sau khi được hội nhập vào Thân Thể Chúa Ki Tô qua Phép Rửa và được thiết lập thành dân Chúa, tùy theo khả năng của mình, được tham dự vào tước vị tế tự, ngôn sứ và vương giả của Chúa Ki Tô; về phía họ, họ chu toàn, trong Giáo Hội và giữa trần thế, chính sứ mạng của cả dân Ki Tô giáo* " (LG, n. 31).

Những gì vừa trích dẫn cho chúng ta thấy được quan niệm rất tích cực của Công Đồng đối với người tín hữu giáo dân.

Chúng ta có thể nói rằng người tín hữu giáo dân " *thuộc về Giáo Hội, là thành phần của Giáo Hội* " với đầy đủ danh nghĩa " *là thành phần* " của mình, là những Ki Tô hữu hạng nhất. Như vậy tức là thành phần có thứ bậc và địa vị tôn giáo như bất cứ ai khác, như những gì Hiến Chế xác nhận.

Trong ý nghĩa nhìn nhận đó, cái nhìn chuyển hướng về thông hiệp, đây là bước thứ nhất

trong tiến trình suy xét lại của Công Đồng về Giáo Hội.

Kể đến là bước thứ hai càng củng cố thêm căn tính của người tín hữu giáo dân. Đó là những gì được thể hiện ra trong Hiến Chế *Gaudium et spes*, trong đó khuôn mặt của người tín hữu giáo dân được thể hiện như là đội ngũ tiền phong của Giáo Hội, một Giáo Hội với sứ mạng phục vụ Phúc Âm cho cả nhân loại (GS, n. 43):

- " Từ các Linh Mục, người tín hữu giáo dân nên chờ đợi ánh sáng và sức mạnh thiêng liêng. Nhưng họ đừng nghĩ rằng các vị chủ chăn của mình là những người có kinh nghiệm, đến nỗi đối với mọi vấn đề xảy ra, ngay cả những vấn đề hệ trọng cũng vậy, các vị có thể có được câu trả lời sẵn sàng thiết thực hay đó chính là sứ mạng của các vị. Đúng hơn họ nên lãnh lấy trách nhiệm của chính mình ".

Điều vừa kể cho thấy đó là quan niệm thật cách xa khỏi những gì qua bao thế kỷ đã ràng buộc " thành phần đại đa số " trong Giáo Hội chỉ liên hệ đến những lãnh vực " vòng ngoài " hay họ chỉ là đám đông " ăn cơm ngụội ở nhà ngoài " trong đời sống Giáo Hội, nói như tục ngữ Việt Nam chúng ta.

Người tín hữu giáo dân trong quan niệm đổi mới của Công Đồng Vatican II được mời gọi làm đâm hoa kết quả sung mãn cho chính đời sống Giáo Hội.

2 - Vai trò nhân vật chính của người tín hữu giáo dân trong sứ mạng của Giáo Hội.

Trong định hướng mới của Công Đồng Vatican II, quan niệm " *Giáo Hội hướng nội* " (*ad intra*) của quá khứ nhường chỗ cho quan niệm " *Giáo Hội hướng ngoại hay hướng tha* " (*ad extra*).

Không phải Giáo Hội để cho thế gian phục vụ mình, cho bằng ngược lại Giáo Hội phục vụ thế gian.

Tư tưởng đó đặt lên hàng đầu sứ mạng của Giáo Hội, một sứ mạng cũng liên quan đến cấu trúc nội tại của Giáo Hội.

Thế giới mà Giáo Hội được sai đi để thực hiện sứ mạng cứu rỗi, không phải là một thế giới trù tượng, mà là thế giới đang hiện hữu trước mắt. Thế giới đó trong nhãn quang của *Hiến Chế Gaudium et spes* là

- " nhân loại với tất cả những niềm vui và hy vọng, những buồn phiền và lo âu của mình " (GS, n. 1).

Trong môi trường đó, động tác của người tín hữu giáo dân là động tác chính yếu được mời gọi cần thiết phải có để thực hiện sứ mạng. Bởi lẽ có những hoàn cảnh và những vấn đề liên quan đến các thực tại trần thế, trong đó người tín hữu giáo dân mỗi ngày đang sống cuộc đời của mình.

Ai là thành phần chính danh của Giáo Hội Chúa Giêsu Ki Tô, người nam cũng như người nữ, đều được mời gọi hãy đặc tâm chú ý đến những gì đang xảy ra trong thế giới thực tại. Trong môi trường thế giới to lớn của các mối tương quan xã hội - chính trị, nơi soạn thảo các quyết định hệ trọng có liên quan gián tiếp hay trực tiếp đến cả nhân loại và các thành phần của mình, cũng như ở những tiểu thế giới của các mối liên hệ giữa cá nhân với nhau, nơi mà các quyết định đó có ảnh hưởng trực tiếp đến các thực tại trần thế. Ở đó, đụng chạm trực tiếp với các thực thể, người tín hữu giáo dân được kêu gọi hãy hành xử phận vụ phục vụ Phúc Âm của mình, góp phần từ trong lòng các thực thể đó, như là " *men bột* ", nói theo ngôn từ của Hiến Chế *Lumen gentium*, n. 31, để biến đổi cuộc chung sống của nhân loại, rao giảng và nhân chứng Chúa Ki Tô cho thế giới bằng đời sống, lời nói và việc làm của mình.

Là môn đệ của Chúa Giêsu Ki Tô, các tín hữu giáo dân, nam cũng như nữ, được kêu gọi hãy thực hiện động tác phục vụ Phúc Âm đó cho thế giới, với tư cách là những người tham dự ba tước vị của Chúa Ki Tô, tư tế, ngôn sứ và vương giả.

Thi hành **tước vị ngôn sứ** của mình, người tín hữu giáo dân được mời gọi thực hiện giữa trần thế bằng cách cố gắng nhận ra những dấu chỉ thời đại (*signa temporis*) và chú giải các dấu chỉ đó dưới ánh sáng Phúc Âm (GS. n. 4a).

Nói cách khác, được mời gọi hãy nhận ra điều đã và đang xảy ra trong lãnh vực trần thế, các dấu chỉ sự hiện diện thực tại hay là đồ án của Chúa (GS, n. 11a).

Việc chuẩn định của họ nhằm lớn tiếng nói lên những gì tích cực tốt đẹp, nhận biết rằng đó là đồ án của Chúa và can đảm phản bác, tố cáo những gì tiêu cực, sai trái mà mình khám phá ra, như là những gì nghịch lại ý muốn của Thiên Chúa.

Còn nữa, việc nhận thức và chuẩn định những thực thể trần thế như vừa nói, không phải để " *thấy đó rồi bỏ đó* ", cho bằng chuẩn định để nhằm dẫn thân tác động tương xứng với tình thế, như lương tâm mình đòi hỏi.

Thái độ của người tín hữu Chúa Ki Tô nói chung và nhứt là người tín hữu giáo dân đối với những lãnh vực trần thế, những gì liên hệ đến đời sống của anh em, không phải là thái độ " *thấy rồi bỏ đó* " hay " *lách sang rồi bỏ đi luôn* ", như những người có cách sống " *vô trách nhiệm* " trong dụ ngôn người Samaritano nhân lành (Lc 10, 29-37), mà là những người dẫn thân lớn tiếng nói lên cho thấy sự hiện diện và đồ án của Chúa trong lịch sử và đứng ra hành xử can thiệp theo lương tâm trách nhiệm của mình, nếu không là cách ăn ở làm ngược lại những gì Chúa Giêsu đã khuyên dạy thầy thông thái luật " *để có sự sống đời đời làm gia nghiệp* ":

- " Ông hãy đi và cũng làm như vậy " (Lc 10, 37).

Cũng vậy, với **tước vị tư tế**, phụng vụ được thiết lập nhằm cử hành giữa thế giới con người, để hiển tể giữa thế gian " *thờ phượng thiêng liêng* " mà Thánh Phaolô đã viết cho các tín hữu Roma:

- " *Thưa anh em, vì Thiên Chúa thương xót chúng ta, tôi khuyên anh em hãy hiến dâng thân mình làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Chúa. Đó là cách thức xứng hợp để anh em thờ phượng Người. Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm thần, hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa: cái là gì tốt, cái gì đẹp lòng Chúa, cái gì hoàn hảo* " (Rom 12, 1-2).

Và cách phượng tự xứng đáng đẹp lòng Chúa như vừa được trích dẫn, *Hiến Chế Lumen gentium* đặt liên hệ mật thiết với cuộc sống xứng đáng và có trách nhiệm của người Samaritano nhân lành, theo tiếng nói của lương tâm, mà người tín hữu giáo dân đang sống trong môi trường trần thế hằng ngày của mình.

Phụng vụ và thiên chức tế tự được sống trong tinh thần thực sự dẫn thân và có trách nhiệm trong tất cả những gì cuộc sống của mình được đương kết, sẽ được dâng lên Chúa nhứt là trong phụng vụ Thánh Thể:

- " *Thật vậy, tất cả các công việc của mình, các lời cầu nguyện và các công cuộc chuyên cần dẫn thân tông đồ, đời sống hôn nhân và gia đình, công việc hằng ngày, những lúc giải trí tinh thần và thể xác, nếu họ biết sống trong Thánh Thần của Chúa, và ngay cả những thử thách của cuộc sống, miễn là họ biết kiên nhẫn chịu đựng, tất cả những điều đó trở thành " những của lễ thiêng liêng, đẹp lòng Chúa, nhờ Chúa Giêsu Ki Tô (1 Pt 2, 5)...Và như vậy, người tín hữu giáo dân chính họ dâng lên Chúa thế giới, dâng cho Chúa bất cứ ở đâu động tác tôn thờ bằng chính đời sống thánh thiện của họ " (LG, 34b).*

Sau cùng, như Chúa Giêsu Ki Tô, người tín hữu giáo dân là những môn đệ của Người, nam cũng như nữ, được mời gọi hãy chuyên cần dẫn thân làm cho **vương tước** của Người thể hiện trong mọi môi trường và lãnh vực trần thế:

- " *Thật vậy, Chúa muốn trải rộng vương quyền của Người qua trung gian các người tín hữu giáo dân; vương quyền của người là vương quyền chân lý và sự sống, vương quyền thánh thiện và ân sủng, vương quyền công lý, tình thương và hoà bình, vương quyền mà trong đó tạo vật được cứu thoát khỏi ách nô lệ của sự hư nát, để biết được tự do vinh hiển của các con cái Chúa (cfr. Rom 8, 21) (LG 36b).*

Sự chuyên cần dẫn thân đó đòi buộc người tín hữu giáo dân đừng để mình trở thành nô lệ của các thực tại trần thế, của cái giàu có hay quyền lực thế trần cũng vậy. Và đồng thời được mời gọi hãy cộng tác để cho anh em mình cũng không phải rơi vào thẳm vực nô lệ đó.

Ngoài ra, việc thực hiện động tác quản trị các thực tại trần thế như vừa kể, khiến cho người tín hữu giáo dân càng ngày càng có kinh nghiệm và hiểu biết khiến cho mình trưởng thành hơn.

Và đây chính là việc phục vụ đòi buộc khẩn thiết nhất nơi người tín hữu giáo dân, bởi lẽ chính họ là những người sống và động chạm trực tiếp với các thực tại trần thế. Khẩn thiết, không phải chỉ vì chính họ là những nhân vật trực tiếp có thẩm quyền và khả năng để đối xử, quản trị thiết thực, mà cũng chính vì kinh nghiệm sống của mình, họ là những bậc thầy có thể phổ biến, huấn dạy, truyền đạt các hiểu biết và kinh nghiệm về các thực tại trần thế của mình cho cộng đồng Giáo Hội, cho thế hệ non trẻ sắp lớn lên, kể cả cho hàng giáo phẩm và giáo sĩ là những vị không có kinh nghiệm về vấn đề (*ad hoc*).

Nói tóm lại, người tín hữu giáo dân nam nữ đều được mời gọi cộng tác với khả năng và thẩm quyền chuyên môn của mình đối với các lãnh vực trần thế để tạo nên một thế giới chung sống của nhân loại, càng ngày càng trở nên ít bất xứng với phẩm giá con người hơn, càng ngày càng thích hợp xứng đáng hơn với con người

- " *được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa, giống như Thiên Chúa* " (Gen 1, 26.27)

- và là " *con Thiên Chúa* " (Mt 6, 9).

Dĩ nhiên trong tiến trình thực hiện đồ án của công cuộc chuyên cần dẫn thân vừa kể, người tín hữu giáo dân nên ý thức rằng không phải chỉ có họ một mình ở trần gian này, như những gì Công Đồng Vatican II đã lưu tâm nói với họ,

Bởi lẽ trên thế gian còn có nhiều người khác, mặc dầu *không được hay chưa được* Phúc Âm gợi ý cảm nhận và soi sáng cho, họ có những hiểu biết và cảm hứng khác, nhưng cũng đang thực hiện những chuyên cần dẫn thân tương tự, nhiều khi gây được hứng thú hơn cả những gì người tín hữu giáo dân đang thực hiện, nhằm đem lại cuộc sống tốt lành hơn cho con người.

Bởi đó Công Đồng Vatican II không quên nhắc nhở người tín hữu giáo dân của mình:

- " *Ước gì họ (người tín hữu giáo dân) cũng sẵn sàng cộng tác với những ai cùng nhằm những mục đích như chính mình* " (GS, n. 43b).

Như vậy, trong động tác thực hiện sứ mạng Ki Tô hữu của mình giữa trần thế, người tín hữu giáo dân không bao giờ nên có ý nghĩ xem mình là " *bậc đàn anh, bậc thầy* ", " *ăn trên ngồi trước* " đối với người khác hay " *thi đua làm* " " *cạnh tranh* " để qua mặt, lướt thắng đối thủ, xem mình là tài giỏi " *vô địch* ".

Có chăng, thái độ xứng đáng phải có là

- thẳng thắn chống lại những sai trái tha hoá và đề tiện hoá phẩm giá con người

- và sẵn sàng cộng tác với những ai thành tâm thiện chí theo lẽ phải hành động mưu cầu công ích, tạo cho con người môi trường sống xã hội hợp với địa vị con người của mình.

VỀ MỤC LỤC

VỊ ÂN NHÂN ẮN DANH

Vào ngày 14 tháng 5 năm 2010 vừa qua, một sự cố rất nhỏ đã xảy ra cho một nhóm bạn đi chơi tại công viên Sea World, Orlando, tiểu bang Florida. Dù chỉ là một sự cố nhỏ, nó không ảnh hưởng đến tình hình chính trị hay báo giới, nhưng nó có thể ảnh hưởng đến những người trực tiếp liên quan. Biến cố này đã khơi gợi và đề cao vẻ đẹp của đức tính đơn sơ chân thật nơi con người. Vẫn có đó những mẫu gương chân thật ắn danh cho chúng ta noi theo. Mục Sống Sao Cho Đẹp xin nêu lên câu chuyện này để tỏ lòng biết ơn và ca ngợi vị ân nhân ắn danh ấy.

Ba người bạn cùng tản bộ về hướng Shamu Stadium để chờ xem cuộc trình diễn cá voi. Trong khi chờ đợi, họ dừng chân mua một vài cây kem và tìm một bóng cây ngồi nghỉ mát. Đến giờ trình diễn, cả ba người cùng đi vào Shamu Stadium. Khi gần tới nơi, một người bạn chợt nhớ là mình đã mất cái giỏ xách trong đó có tiền, thẻ tín dụng, và giấy tờ cá nhân giá trị. Cả ba người đều giật mình lo lắng vì không biết là đã bỏ quên cái giỏ ở đâu. Biết tìm đâu

giữa một nơi có hàng trăm con người tấp nập qua lại? Cả ba vội vã quay lại chỗ bóng cây, nhưng cái giỏ xách đã không cánh mà bay! Trong khi đang sửng sốt, bàng hoàng và chưa biết phải làm gì, họ tiến đến chỗ bán kem để tìm cách liên lạc với người bảo vệ, tại đây chủ nhân đã nhìn thấy cái giỏ xách của mình. Người chủ quán kem trao lại cho chủ nhân mà không hề biết ai là người đã nhặt nó và đã nhờ bà giữ giúp để trả lại cho chủ nhân.

* * *

Quý bạn thân mến, câu chuyện trên xem chừng như rất đơn sơ, không đáng gì để chúng ta học hỏi, nhưng nếu xét về đức tính chân thật, thì câu chuyện này thật có ý nghĩa. Ý nghĩa của nó chính là vị ân nhân ẩn danh đã trao gởi cái giỏ xách vào nơi mà họ nghĩ là chủ nhân của nó sẽ quay lại; và chỗ gần nhất để tìm cái giỏ là quán kem. Vị ân nhân này đã rạng chiếu một sự trong sáng, đơn sơ rất tinh tuyền của một trẻ em; và đồng thời cũng biểu tỏ một khả năng nhạy bén phán đoán hoàn cảnh rất trưởng thành. Vị ân nhân đã không tận dụng hoàn cảnh để lấy tiền, thẻ tín dụng... nhưng chỉ đơn giản suy nghĩ: Cái gì không phải của mình thì không mở ra, không chiếm đoạt, và không giữ lấy. Đơn sơ chân thật như thế quả là một sự cao thượng của vị ân nhân, người đã vượt ra chính mình để chỉ nghĩ đến nỗi lo âu và hoảng loạn của người đã đánh mất chiếc giỏ xách.

Ngược lại với câu chuyện trên, vào năm 1994 khi tôi^[1] là một sinh viên, trong một lần làm quen để thực hành tiếng Anh với một sinh viên Mỹ tại Công viên Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, tôi đã không can đảm để nói lên sự thật, hay chỉ làm một cử chỉ ra hiệu để giúp người bạn tôi.

Trong khi đang nói chuyện với nhau, một vài người lạ xuất hiện phía trước chúng tôi. Họ tạo sự chú ý để chúng tôi nhìn vào họ. Tôi cảm thấy hơi lạ, quay lại phía sau, tôi liền thấy một anh người Việt ra hiệu cho tôi im lặng. Anh này đang nhẹ nhàng lấy đôi giày của anh bạn Mỹ phía dưới ghế đá. Tôi thấy điều đó, tôi biết họ làm điều gian, tôi thấy tội nghiệp cho anh bạn Mỹ của tôi (vì mãi mê giúp tôi thực tập tiếng Anh mà bị đánh cắp đôi giày), nhưng tôi lại không đủ can đảm để la lên, hay chỉ ra một dấu hiệu cho người bạn Mỹ biết để bỏ chân xuống hay quay ngược lại. Vô tình, tôi đã trở thành đồng lõa của kẻ cắp, và có thể dưới suy nghĩ của anh bạn Mỹ, tôi đã dằn dưng nên hoàn cảnh này để người kia lấy cắp giày. Tôi hổ thẹn về hành động yếu nhược của mình. Anh bạn Mỹ đã bị mất giày, tôi mất bạn, và quan trọng hơn là tôi mất cơ hội để làm chứng cho sự thật, sống cho sự thật. Hoàn cảnh xã hội dồn tôi vào sự phải im lặng, hay chính tôi im lặng vì tôi sợ bị liên lụy cho bản thân? Suy nghĩ lại, quy cho cùng, cũng chỉ là cái tôi ích kỷ hẹp hòi lấy mình làm trung tâm. Cái gì lợi cho mình thì làm, cái gì nguy hại đến bản thân thì tránh xa kéo liên lụy.

* * *

Bạn thân mến, sự thật nói với nhau thì dễ lắm, nhưng thực hành nó đòi hỏi can đảm trong âm thầm. Thực vậy, đơn sơ chân thật xuất phát từ con tim chứ không từ bề ngoài. Sức mạnh của chân thật chính là chỗ đó. Mình hãy cùng nhau noi gương vị ân nhân ẩn danh trong biển cổ tại Sea World trong sinh hoạt đời thường nhé: Đơn sơ chân thật trong âm thầm.

Br. Huynhquảng

Mời bạn ghé thăm trang <http://brhuynhquang.org>

Email liên lạc: brhq@brhuynhquang.org

VỀ MỤC LỤC

ĐỂ THÀNH NGƯỜI ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN KẺ KHÁC CẦU NGUYỆN

Mời thăm Blog của Lm. Trần Minh Huy <http://www.chivilongchuathuongtoi.tk/>

Tác phẩm: ĐÀO TẠO ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN

CHƯƠNG BA

ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN ĐƯỢC ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO

VỀ ĐỜI SỐNG CẦU NGUYỆN VÀ ĐỜI SỐNG NỘI TÂM (tiếp theo)

L. ĐỂ THÀNH NGƯỜI ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN KẺ KHÁC CẦU NGUYỆN

L.1 Học Chủ Sự Cầu Nguyện

Một trong những tác vụ mục vụ quan trọng của linh mục trong việc lãnh đạo cộng đoàn Dân Chúa được ủy thác cho mình là đào tạo và hướng dẫn kẻ khác cầu nguyện. Chúng ta chỉ có thể huấn luyện người khác trong trường cầu nguyện của Chúa Giêsu, nếu chúng ta để mình tiếp tục được huấn luyện và tự đào luyện chính mình bằng sự cần mẫn thực hành đời sống cầu nguyện cá nhân, cũng như tích cực tham gia vào các hoạt động chủ sự cầu nguyện cộng đồng.

Mỗi ứng sinh hãy luân phiên với các nhà đào tạo trong việc hướng dẫn các giờ kinh trong cộng đoàn. Những cơ hội này cung cấp cho ứng sinh kinh nghiệm hướng dẫn cầu nguyện cho giáo dân khi ra xứ. Một trong những vai trò của việc cử hành là giúp cộng đoàn cầu nguyện hiệu quả, bằng cách làm cho cộng đoàn có thể đi vào trong chính mẫu nhiệm đang cử hành. Sự hiện diện, những lời suy niệm và phẩm chất các lời hướng dẫn của chúng ta phải mang tính thúc giục quyết tâm.

Tuy nhiên, đôi khi chúng ta có cảm giác mình không thể cầu nguyện sốt sắng được, vì thường bị chi phối bởi tiến trình cử hành, bởi những chi tiết của việc tổ chức và bởi những phản ứng của cộng đoàn. Vì thế, chúng ta cần phải chuẩn bị cho lời kinh phụng vụ, về phương diện kỹ thuật cũng như phương diện thiêng liêng, để chúng ta sống những gì chúng ta nói và hướng dẫn. Nếu có chuẩn bị thực sự, chúng ta sẽ cảm thấy tự do hơn để cầu nguyện và qui tụ lời cầu nguyện của cộng đoàn dâng lên Chúa.

Trong thời gian đào tạo ở Chủng viện, việc huấn luyện phụng vụ phải cung ứng cho ứng sinh một sự chuẩn bị tốt cho việc cử hành, không chỉ về mặt kỹ thuật, mà nhất là về mặt thiêng liêng. Phải quan tâm đến cơ hội lên tiếng trong cử hành phụng vụ (chẳng hạn việc dẫn lễ vào lúc bắt đầu). Việc đó khiến chúng ta cố gắng giúp cộng đoàn đi vào cầu nguyện.

L.2 Học Hướng Dẫn Thiêng Liêng[89]

Ứng sinh phải chuẩn bị chính mình để có thể hướng dẫn cộng đoàn Dân Chúa trong đời sống thiêng liêng, đặc biệt trong việc linh hướng sau này: *Khả năng chuyển đạt lại cho người khác cái mình đã sống trước, vì không ai cho cái gì mình không có*. Trong lãnh vực này, chúng ta phải điều chỉnh lại quan niệm cho rằng chỉ linh mục mới làm linh hướng, vì ngày nay việc linh hướng và xưng tội có thể tách biệt nhau; đồng thời có nhiều nam nữ tu sĩ có điều kiện học hỏi chuyên sâu về linh đạo, về đồng hành thiêng liêng, về tâm lý và sự phạm có khả năng làm linh hướng. Tuy nhiên, những ai muốn và được Bề Trên cắt cử làm linh hướng phải được Chúa Thánh Thần kêu gọi và phải được đào tạo kỹ lưỡng.

Là linh mục tương lai, ứng sinh phải luôn ý thức về căn tính của mình trong mọi chiều kích nhân bản, thiêng liêng, tri thức, giới tính và tâm lý của một đời sống quân bình và trưởng thành, để luôn trung thành với lời cam kết và sứ vụ của mình, đặc biệt là trong đời sống cầu nguyện: chúng ta cầu nguyện thế nào thì chúng ta sống thế ấy, và chúng ta sống thế nào thì chúng ta cầu nguyện như vậy.

Chúng ta có thể cảm thấy được an ủi và hay phải chán nản trong cầu nguyện. Vì thế, chúng ta phải ý thức rằng chúng ta cầu nguyện không phải để thoả mãn những gì chúng ta sẽ nhận được, nhưng để tìm gặp Chúa, mà Chúa thì đôi khi được tìm thấy trong sự trần trụi,

khô khan và bất lực của con người chúng ta.

Không ai biết được lúc nào Chúa đến. Thái độ chờ đợi trong cầu nguyện phải là thái độ ý thức và tỉnh táo. Vì thế, Tân Ước đã nhiều lần nhắc nhở chúng ta phải kiên trì trong cầu nguyện. Chúng ta phải trung thành với thời gian mà chính chúng ta đã ấn định cho việc cầu nguyện: luôn trung thành với lời cầu nguyện hằng ngày và kiên trì trong suốt thời gian cầu nguyện. Điều này dẫn đến một lời cầu nguyện sâu xa.

Chúng ta cũng phải kiên trì tìm gặp gỡ Chúa ở bất cứ nơi nào và vào bất cứ lúc nào. Đó là ý nghĩa sâu xa của việc cầu nguyện liên lỉ trong thừa tác vụ của linh mục triều vậy. Chúa Giêsu đã hứa ở lại với chúng ta mọi ngày cho đến tận thế. Ngài hiểu rõ chúng ta, luôn sẵn sàng giúp đỡ và trấn an chúng ta trong những lúc khó khăn và hoang mang: *Hãy yên lòng, Thầy đây, đừng sợ!*

[89] x. Chương hai: Ứng sinh linh mục giáo phận tiếp tục và củng cố việc phân định và sống ơn gọi.

VỀ MỤC LỤC

THỬ THÁCH CỦA GHEN TƯƠNG

Tác phẩm: Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô - MỤC VỤ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tác giả: D. WAHRHEIT (Lm. Minh Anh, GP. Huế tổng hợp biên tập)

A25. THỬ THÁCH CỦA GHEN TƯƠNG

1. Khủng hoảng đầu đời hôn nhân là điều cần thiết cho đôi vợ chồng trẻ. Cũng như bất cứ khủng hoảng nào trong tiến trình trưởng thành, khủng hoảng ấy là dịp để các đôi vợ chồng trẻ khám phá chính mình, hiểu biết nhau, và nhờ đó trưởng thành hơn trong tình yêu vợ chồng.

Một trong những tình cảm mà các đôi vợ chồng trẻ sẽ sớm phát hiện trong tâm hồn họ ngay từ những ngày tháng đầu của cuộc sống chung, đó là sự ghen tương. Tình cảm này có thể là một thứ lửa thử vàng cho tình nghĩa vợ chồng nhưng cũng có thể là một thứ nọc độc làm tê liệt đời sống lứa đôi và dẫn đến đổ vỡ.

Xin được gửi đến các đôi vợ chồng trẻ một vài góp ý. Với ước mong giúp họ được bình tĩnh và sáng suốt để đối phó với một trong những sóng gió nguy hiểm nhất trong cơn khủng hoảng đầu đời hôn nhân.

Một giáo sư phân tâm học tại Đại học Milan bên Italia đã ghi lại trường hợp của một người chồng. Mặc dù hoàn toàn tôn trọng và tin tưởng vợ, nhưng trong giấc mơ ông ta luôn bị ám ảnh bởi sự ghen tương. Trong giấc mơ, ông thường thấy vợ mình trong vòng tay một người đàn ông khác. Giấc mơ xảy ra thường xuyên đến nỗi cuối cùng người đàn ông bắt đầu nghi ngờ vợ mình, ông nghĩ, vợ ông phản bội ông để được tự do. Từ ý nghĩ ấy người đàn ông cũng bắt đầu gặm nhấm những đắng cay trong tâm hồn. Rồi như một phản ứng tự nhiên, ông cũng mơ tưởng đến những cuộc phiêu lưu tình cảm của riêng mình.

Dĩ nhiên điều đó chỉ diễn ra trong tiềm thức của người đàn ông, nhưng đa số những người ghen tương đều có những phản ứng tương tự. Người ta thường gán cho người phối

ngẫu của mình những động thái mà chính tiềm thức của mình gợi lên. Như vậy, nói chung, sự ghen tương thường xuất phát từ óc tưởng tượng để rồi lớn lên trong tiềm thức và bùng nổ một cách mãnh liệt nếu không được kiềm chế.

2. Sự ghen tương có thể xảy đến với đôi vợ chồng trẻ ngay từ những ngày tháng đầu đời hôn nhân. Trong thời kỳ quen biết và đính hôn, hai người có thể chưa bộc lộ hết những thâm kín cũng như con người thực của họ, nhưng cuộc sống chung sẽ tạo ra những va chạm không thể tránh, và do đó, sự ghen tương cũng như bao khuyết điểm khác sẽ trỗi lên một cách dễ dàng. Đó là điều xem ra không thể tránh được nhưng cũng có thể là một điều chính đáng.

Bất cứ ai yêu một người khác phái và yêu một cách lành mạnh cũng đều cảm thấy ghen tương khi người đó biểu lộ một sự quan tâm không hợp lý với một người thứ ba. Thiếu sự ghen tương trong những hoàn cảnh như thế cũng đồng nghĩa với thiếu yêu thương. Như thế, sự ghen tương là một biểu lộ chắc chắn của tình yêu. Có yêu mới ghen.

Để nói lên tình yêu của Thiên Chúa đối với con người, Kinh Thánh không biết dùng hình ảnh nào xác đáng hơn là nói rằng: Thiên Chúa là Đấng hay ghen tương, ghen là biểu hiện của tình yêu. Ai cũng biết, sự vắng bóng của ghen tương là một dấu hiệu cho thấy tình yêu đã vỗ cánh bay xa.

Nói như thế không có nghĩa là bảo rằng, cần phải bày tỏ sự ghen tương ra trước mặt mọi người. Chúng tôi chỉ có ý nói rằng, một dấu hiệu ghen tương nơi người phối ngẫu là dịp để hai người ngồi lại với nhau mà tìm hiểu nhau và tìm hiểu nhau hơn trong tinh thần tôn trọng sự thật và đối thoại. Như vậy, ghen tương có thể là một dịp cần thiết để giúp hai người hiểu nhau hơn và điều chỉnh lại cách cư xử đối với nhau.

Tựu trung, một chút ghen tương có thể là vật xúc tác cần thiết để cho tình yêu vợ chồng luôn được tươi trẻ. Một chút ghen tương là con đường dẫn đến cảm thông, trưởng thành tâm lý và phát triển nhân cách. Tuy nhiên khi đã trở thành thái quá, ghen tương sẽ là nọc độc giết hại tình yêu vợ chồng. Mỗi ngày chúng ta chứng kiến không biết bao nhiêu thảm cảnh do sự ghen tương gây ra, từ những gây gổ ẩu đả cho đến những án mạng rùng rợn. Những vụ án trong hôn nhân đều bắt nguồn từ sự ghen tương.

3. Trước khi trở thành thủ phạm hành hạ người phối ngẫu của mình, người ghen tương đã là nạn nhân của chính mình. Chứng đau tim thường gắn liền với sự ghen tương. Chính trong hệ thần kinh mà sự ghen tương tác hại nặng nề nhất. Nếu không tự chế kịp thời, người ghen tương có thể trở thành người mất cả ý chí lẫn lý trí. Thi sĩ Maurice Riordan của Anh đã làm nổi bật sự xâm chiếm độc ác của tính ghen tương khi ông định nghĩa nó như một thứ lửa đốt cháy mà không có ánh sáng.

Người ghen tương là kẻ muốn chiếm đoạt hoàn toàn và cho riêng mình. Dĩ nhiên đó có thể là mặt trái của tình yêu. Tình yêu đích thực luôn mang tính cách loại trừ, nghĩa là khi yêu nhau người ta muốn thuộc trọn về nhau. Tuy nhiên, thuộc trọn về nhau không có nghĩa là chiếm hữu lẫn nhau, là xem nhau như vật sở hữu. Một tình yêu đích thực luôn được xây dựng trên sự tôn trọng và tin tưởng nhau. Tôn trọng nhau thực sự nghĩa là không xem nhau như vật sở hữu để có thể độc quyền chiếm đoạt. Sự ghen tương trở thành ám ảnh khi tình yêu được quan niệm như một sự chiếm đoạt.

Người ghen tương tựu trung là người chưa biết yêu, một tình yêu đích thực luôn luôn được xây dựng trên sự tôn trọng. Hơn bất cứ quan hệ nào, đời sống vợ chồng đòi hỏi hai người phải tôn trọng và đối xử với nhau tế nhị hơn với bất cứ ai khác. Khi người ta bắt đầu nghi ngờ dẫn đến việc kiểm soát nhau, và nhất là để cắt đứt mọi liên lạc thân hữu với người khác cũng như mọi sinh hoạt xã hội, thì đó là dấu hiệu cho thấy sự tin tưởng giữa hai người không còn nữa. Một khi không còn tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống chung sẽ trở nên ngột ngạt,

khó thở để rồi sẽ bùng nổ bằng bạo động và đưa đến đổ vỡ.

4. Phòng bệnh hơn chữa bệnh. Có lẽ không ai được miễn nhiễm khỏi tính ghen tương. Một chút ghen tương là một bảo động tốt để giúp cho hai người hiểu nhau hơn, trưởng thành hơn trong nhân cách và tình yêu. Nhưng nếu ghen tương đã trở thành một thứ ung nhọt không chữa nổi thì đời sống vợ chồng sẽ như một thứ thân thể bệnh hoạn.

Một trong những phương pháp tốt nhất để đề phòng và chữa trị tính ghen tương là điều chỉnh lại quan niệm về tình yêu. Đôi vợ chồng trẻ phải không ngừng tự vấn lương tâm: tôi đã thực sự biết chưa? Tình yêu của tôi đang còn trong giai đoạn chiếm hữu hay đã trở thành dâng hiến? Tôi có ý thức rằng, một tình yêu đích thực chỉ được xây dựng trên sự tôn trọng nhau không?

Thế nhưng, chống lại tính ghen tương không phải là một trận chiến riêng rẽ mà là một cuộc chiến chung của hai vợ chồng. Đời sống hôn nhân là một trường đào luyện nhân cách trong đó cả hai người đều giúp nhau để nên người trưởng thành hơn. Một tình yêu vợ chồng phong phú thực sự trước tiên là một tình yêu giúp hai người được nên người hơn. Giúp nhau thẳng vượt được tính ghen tương cố hữu trong mỗi người, đó phải là mục tiêu hàng đầu trong việc xây dựng đời sống hôn nhân.

Không gì hữu hiệu để giúp đôi vợ chồng thẳng vượt tính ghen tương cho bằng lòng chung thủy với nhau. Lòng chung thủy đối với nhau được thể hiện không chỉ bằng sự đam mê gắn bó với nhau, mà nhất là bằng lòng quảng đại, khoan dung, tha thứ, quên mình. Nói cho cùng, tình bác ái Kitô giáo chính là thể hiện của sự chung thủy và là chìa khoá của hạnh phúc hôn nhân.

VỀ MỤC LỤC

GAN NHIỄM MỠ

Gan là cơ quan nội tạng lớn nhất trong cơ thể với trọng lượng khoảng 1.4 kg.

Nằm ở phía trên bên phải của bụng, ngay dưới xương lồng ngực, gan có hai thùy. Thùy phải lớn và gồm có ba mảnh ghép với nhau. Thùy trái nhỏ hơn, nằm lên phần dạ dày tiếp cận với thực quản.

Về cấu tạo, gan có khoảng từ 50,000 tới 100,000 tiểu thùy nhỏ với một tĩnh mạch ở giữa. Từ tĩnh mạch tỏa ra cả trăm tế bào gan đan xen với hệ thống ống dẫn mật và mạch máu nhỏ xíu. Gan có màu đỏ tươi tương tự như gan súc vật bày bán ở cửa hàng thịt.

Với khoảng 300 tỷ tế bào, gan có khả năng tự tái tạo và duy trì được chức năng dù chẳng may vì một lý do nào đó đã mất đi 90% khối lượng. Nhưng nếu cả trăm phần trăm tế bào gan bị hư hao vì bệnh tật thì con người chỉ sống nếu được ghép một miếng gan.

Gan tiếp nhận máu qua tĩnh mạch cửa và động mạch gan. Mỗi phút các mạch máu này chuyển qua gan khoảng 1,5 lít máu. Máu trong động mạch gan chứa nhiều oxy còn máu ở tĩnh mạch cửa chuyển tải các chất phế thải của sự tiêu hóa.

Gan được ví như một nhà máy chế biến hóa học cực kỳ tinh vi với cả trăm nhiệm vụ quan trọng khác nhau.

1. Gan là kho tiếp nhận đường glucose hấp thụ từ ruột non rồi tích trữ dưới dạng glycogen. Sau mỗi bữa ăn, khi đường huyết lên cao thì insulin từ tụy tạng sẽ thúc đẩy gan biến hóa glucose thành glycogen. Vài giờ sau đó, khi đường huyết xuống thấp, gan lại chuyển glycogen ra glucose, đưa vào máu và cung cấp cho các bộ phận có nhu cầu.

2. Ngoài vai trò kể trên, gan còn biến hóa đường và chất béo thành chất đạm và cũng làm chất đạm và chất béo biến thành glucose.

3. Gan chế tạo khoảng 0.5-0.9 lít mật mỗi ngày. Mật là chất lỏng màu vàng-xanh, vị đắng với thành phần cấu tạo quan trọng nhất là muối mật, cần thiết cho sự tiêu hóa chất béo trong thức ăn.

4- Gan loại bỏ các chất độc hại như rượu, một vài loại dược phẩm như acetaminophen.

5. Gan tổng hợp ure, một phế chất trong sự chuyển hóa chất đạm và loại ra ngoài qua thận.

6. Gan hủy hoại các hồng huyết cầu hư hao, già nua cũng như tiêu diệt các vi khuẩn lẫn trong thực phẩm ở ruột.

7. Gan tích trữ các sinh tố A, B, D,E và K

8- Gao tạo ra các chất đạm trong máu như albumin, globulin và yếu tố đông máu.

Gan Nhiễm Mỡ

Mới nghe gan nhiễm mỡ, nhiều bà con cũng giật mình e ngại. E ngại vì gan có mỡ thì làm sao mà sống được.

Thực tế ra thì trong gan cũng như các bộ phận khác của cơ thể, chỗ nào cũng có mỡ. Mỡ là thành phần cấu tạo của các tế bào. Chỉ khi nào mỡ trong gan quá 5% trọng lượng gan và lẫn át, chiếm chỗ của các tế bào gan lành mạnh. thì mới có vấn đề. Khi đó thì gan sẽ có màu vàng béo, lớn hơn và nặng hơn bình thường.

Cắt một lát mỏng ở gan không bệnh rồi quan sát qua kính hiển vi, ta thấy máu tràn ngập khoảng trống giữa các tế bào gan. Thành tế bào gan sẽ lấy đi các chất độc hại, vi khuẩn, chất béo khiến cho máu trở nên sạch sẽ. Do đó gan giữ vai trò của một cái lọc. Nếu bây giờ trong tế bào gan và khoảng trống lại đầy những chất béo thì việc lọc và các chức năng khác của gan sẽ suy giảm đưa tới hậu quả xấu cho cơ thể. Các chất béo này đa số thuộc nhóm triglycerit.

Có nhiều loại gan nhiễm mỡ:

1- Nhiễm mỡ không do rượu

Bệnh rất phổ biến tại các quốc gia phát triển và chiếm 24% các bệnh về gan tại Hoa Kỳ. Bệnh có thể chỉ là tăng chất mỡ trong gan, không gây ra triệu chứng gì hoặc vừa tăng mỡ vừa bị viêm tế bào gan rồi đưa tới xơ gan.

Nguyên nhân chưa được biết rõ nhưng sau đây là một số rủi ro gây bệnh:

- Hội chứng chuyển hóa với chẩn đoán tiểu đường loại 2, mập phì, cao cholesterol/triglycerid trong máu. Bệnh thường thấy ở phụ nữ từ 40-60 tuổi nhưng cũng có thể xảy ra ở mọi giới mọi tuổi.

Ngoài ra, gan nhiễm mỡ cũng xảy ra vì các rủi ro khác như:

- Suy dinh dưỡng, thiếu chất đạm

- Một số dược phẩm như amiodarone, tamoxifen, methotrexate, valproic acid, tetracycline, thuốc chống virus zidovudine

- Phẫu thuật dạ dày để giảm cân

- Độc chất, thuốc diệt sâu bọ.

- Bệnh Wilson trong đó khoáng chất đồng tích tụ trong gan.

Bệnh âm thầm diễn tiến, đôi khi không có dấu hiệu rõ rệt. Một số than phiền đau ngàm ngàm nơi bụng trên, mệt mỏi, kém ăn. Khám bệnh, bác sĩ thấy gan hơi to.

Xét nghiệm máu thấy men gan lên cao và sinh thiết gan cho hay trong tế bào gan có những túi chất béo nhỏ li ti.

Điều trị căn bản nhằm vào việc loại bỏ các rủi ro gây bệnh cũng như duy trì mức độ đường huyết và cholesterol bình thường, giảm cân, không dùng các chất độc hại

2. Gan nhiễm mỡ do rượu

Mỗi ngày tiêu thụ trên 60 g rượu trong thời gian 10 năm là đủ gây ra bệnh gan nhiễm mỡ. Phụ nữ dễ bị bệnh này hơn nam giới dù chỉ dùng 1/3 số lượng rượu kể trên. Lý do là quý bà ít có loại men gan bảo vệ với sự hấp thụ chất rượu ở dạ dày. Bệnh cũng thường xảy ra cho người trong cùng huyết tộc, nhiễm viêm gan C, tiêu thụ nhiều chất béo không bão hòa động vật hoặc có quá nhiều chất sắt tích tụ ở gan.

Sau khi tiêu thụ, rượu được dạ dày và ruột non hấp thụ rồi hầu hết được oxy hóa, tạo ra các chất có khả năng cung cấp năng lượng cho cơ thể. Vì lẽ đó, các acid béo từ thức ăn không được dùng đến khiến cho triglycerid tích tụ trong gan và tăng chất béo trong máu.

Dấu hiệu bệnh không có gì đặc biệt: đau âm ỉ phía gan, mệt mỏi, tâm trí rối loạn, kém ăn, vàng da, gan to. Trường hợp trầm trọng sẽ có viêm tế bào gan, xơ hóa và xơ cứng gan.

Bệnh có thể chẩn đoán với gan lớn qua siêu âm, xét nghiệm tế bào gan thấy nhiễm mỡ trong tế bào gan.

Không có thuốc đặc trị cho bệnh gan nhiễm mỡ vì tiêu thụ quá nhiều rượu. Chỉ cần ngưng rượu khoảng dăm tuần lễ là tình trạng nhiễm mỡ được cải thiện liền. Sau đó, dinh dưỡng đầy đủ đúng cách, dùng thêm một số vitamin như các sinh tố nhóm B, khoáng chất vì người nghiện rượu thường thiếu các chất này.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D. Texas- Hoa kỳ.

VỀ MỤC LỤC

Giận Hờn - Chuyện phiếm của Gã Siêu

Trước hết, gã xin đưa ra hai nhận xét dựa trên những kinh nghiệm thông thường mà hầu như mọi người đều đã trải qua.

Nhận xét thứ nhất đó là chúng ta không thể nào sống cô độc lẻ loi, như một hòn đảo giữa biển khơi hay như một pháo đài biệt lập. Trái lại, chúng ta sống là sống với người khác trong một cộng đoàn, trong một tổ chức, trong một xã hội.

Thực vậy, ngay sau khi dựng nên Adong, Thượng Đế đã cảm thấy sự bất ổn, nếu cứ để cho Adong sống cu ky, vò vố ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác và năm này qua năm khác. Ngài thầm nghĩ:

- Người đồn ông ở một mình không tốt, ta hãy dựng nên cho nó một người trợ tá tương xứng với nó.

Nói và làm. Thượng Đế khiến Adong ngủ say, rồi lấy một chiếc xương sườn của ông mà dựng nên người đồn bà. Sau đó, Ngài dẫn người đồn bà đầu tiên này đến cùng Adong. Thoạt nhìn thấy người đồn bà, Adong đã hớn hờ mừng rỡ kêu lên:

- Này đây xương bởi xương tôi và thịt bởi thịt tôi.

Rồi Adong đã đặt tên cho nàng là Evà, vì nàng là mẹ của chúng sinh. Đó là cộng đoàn, là tổ chức, là xã hội đầu tiên của nhân loại, được chính Thượng đế ấn định. Và đó cũng là chiếc nôi này sinh ra cả và thiên hạ, các thể hệ liên tục nối tiếp nhau cho tới ngày hôm nay.

Nhận xét thứ hai đó là nhân vô thập toàn. Ai cũng có những sai lỗi và khuyết điểm của mình. Hơn thế nữa, bá nhân bá tánh. Mỗi người đều có một tính tình riêng, chẳng ai giống ai, như bàn tay có ngón dài ngón ngắn, chẳng ngón nào giống ngón nào.

Thực vậy, trong cùng một gia đình, có đứa con ngoan ngoãn dễ thương, khi còn bé luôn

chăm chỉ học hành, đến lúc khôn lớn thì chí thú “mần ăn”; nhưng cũng có đứa con ngang bướng dễ ghét, khi còn bé luôn lười biếng sao nhãng việc học hành, đến lúc khôn lớn thì chỉ biết ăn chơi phè phỡn, quậy tới bờ tới bến, nên được liệt vào hàng “phá gia chi tử”.

Trước hiện tượng này, thiên hạ chỉ còn biết chép miệng thở dài:

- Cha mẹ sinh con, trời sinh tính.

Tuy nhiên, chuyện đời không đơn giản như thế. Trong sự hình thành tính tình của một con người, còn có sự góp phần của xã hội, của gia đình và nhất là của chính bản thân mình. Phải tu thân trước đã, rồi sau đó mới có thể tề gia, trị quốc và bình thiên hạ.

Cũng vì những sự khác biệt về tâm lý, về tính tình, về ước muốn mà trong cuộc sống chung, chúng ta không thể nào tránh đi cho hết những va chạm, những bất đồng và những buồn phiền. Chúng ta thường tỏ ra bức bối và tức tối đối với những kẻ đã cả gan dám hành động trái với ý muốn hay đã bạo phổi dám xúc phạm đến quyền lợi, cũng như danh dự và uy tín của chúng ta. Thái độ bức tức này được gọi một cách chung chung là...giận.

Gã còn nhớ mang máng ngày xưa khi học về lý hoá, người ta đã phân biệt hai loại cháy, đó là cháy bùng và cháy ngầm. Cháy bùng là khi hiện tượng oxy hoá diễn ra một cách mãnh liệt làm toả nhiệt và phát sáng, khiến mọi người đều có thể trông thấy. Còn cháy ngầm là khi hiện tượng oxy hoá diễn ra một cách âm thầm và lặng lẽ, nhưng lại làm hao mòn các thứ kim loại cứng, như đồng, sắt...

Cơ giận cũng vậy, tùy theo tính khí và hoàn cảnh có thể được bộc phát một cách mãnh liệt qua những hành động hung bạo và đập phá, cũng như qua những lời nói gắt gỏng và chửi bới. Chúng ta gọi đó là giận dữ. Còn nếu chúng ta bức bối tức tối mà cứ giữ trong lòng, không chịu nói ra, hay nếu có biểu lộ, thì lại được biểu lộ bằng thái độ im lặng, bất bạo động, bất hợp tác. Chúng ta gọi đó là giận hờn, hay giận dỗi.

Quan sát những mối liên hệ trong cuộc sống, gã nhận thấy sự giận dữ thường là phản ứng của người bề trên đối với kẻ bề dưới, của người mạnh đối với kẻ yếu, chẳng hạn anh chồng nổi giận với chị vợ, cha mẹ nổi giận với con cái, thầy cô nổi giận với đám học trò...Còn hờn dỗi là phản ứng của kẻ bề dưới đối với người bề trên, của kẻ yếu đối với người mạnh, chẳng hạn chị vợ hờn với anh chồng, con cái dỗi với cha mẹ, đám học trò hờn dỗi với thầy cô.

Tuy nhiên, sự nhận xét này không phải lúc nào cũng đúng boong một trăm phần trăm, bởi vì cũng có những trường hợp ngược về ngược, chẳng hạn một đứa con “trời đánh thánh vật”, trong lúc nóng giận đã có những lời nói hỗn xược với cha mẹ.

Tới đây, gã xin bàn rộng tán dài thêm một tí về sự hờn dỗi.

Trước hết, đó là phản ứng của quý vị con nít.

Như chúng ta đã biết quý vị con nít trong tay tiền chẳng có, mà quyền cũng không. Vì vậy, khi gặp chuyện trái ý, làm sao mà giận dữ cho được, bởi nếu giận dữ thì chỉ có nước ăn đòn vì bị khép vào tội lếu láo và bất kính. Do đó, hờn dỗi là một phương cách để bày tỏ thái độ, để đấu tranh một cách bất bạo động cho những yêu sách của mình.

Một cậu ấm đòi mẹ sắm cho chiếc điện thoại di động đời mới, hay mua cho mình chiếc quần bò thuộc vào loại hàng xịn mắc tiền, chính hiệu con nai vàng ngơ ngác; một cô chiêu xin đi chơi qua đêm với đám bè bạn...Những yêu cầu trên không được cha mẹ chấp thuận, thế là cậu ấm dỗi, cô chiêu hờn. Bản mặt lúc nào cũng ủ rũ như treo cờ tang, cạy miệng cũng không nói được nửa lời. Vô phòng, đóng sập cửa lại. Nội bất xuất, ngoại bất nhập. Không chịu ăn và cũng chẳng chịu uống...

Tiếp đến, đó là phản ứng của quý cô nàng đang yêu.

Tiếng Việt Nam mình rất phong phú khi diễn tả về những mức độ đậm nhạt của tình cảm. Chẳng hạn giận thì có giận lẫy, giận dai, giận phùng phùng, giận bầm gan tím ruột, giận sôi tim...Hờn thì có hờn dỗi, hờn mát, hờn giận, hờn ghen, hờn tủi, hờn trách...Thành thử có những lần gã đành phải bó tay không thể nào dịch được chữ hờn chữ dỗi sang tiếng Anh, tiếng Pháp, bởi vì khi nói lên tiếng hờn dỗi, gã như thấy được thái độ phụng phịu, vùng vằng

của kẻ trong cuộc và khi nói lên tiếng hờn, gã như thấy được thái độ lạnh lùng bất hợp tác.

Mỗi khi nói tới hờn dỗi, gã liên tưởng ngay đến quý nàng, nhất là quý nàng đương bị tình yêu, như làn khói toả làm cho cay xè đôi mắt. Và hình như hờn dỗi đã trở thành nghề riêng của các nàng rồi vậy. Nói thế không có nghĩa là chỉ các nàng mới hờn dỗi, mà ngay cả các chàng đôi khi cũng dỗi, cũng hờn, mặc dù về số lượng có phần ít hơn nhiều.

Các chuyên gia cho rằng khi yêu các nàng thường đòi hỏi cái cảm giác được an toàn nơi anh chàng mà họ thương, họ mến. Nhất là anh chàng này phải luôn luôn làm được một cách xuất sắc những điều các nàng yêu cầu. Nếu chẳng may anh chàng không chu toàn được điều các nàng muốn, thì lập tức họ chọn phương thức hờn dỗi, để biểu lộ thái độ không bằng lòng của mình.

Chẳng hạn anh chàng tới điểm hẹn trễ hơn một lúc, khiến cô nàng phải đợi, phải chờ, hay anh chàng lỡ quên tặng hoa, tặng quà cho cô nàng vào ngày sinh nhật, ngày tình nhân, ngày phụ nữ... Tất cả đều làm cho cô nàng giận hờn.

Những người bên vực thì cho rằng nguyên nhân khiến các nàng hay hờn dỗi xuất phát từ tình yêu. Thực ra, không phải là các cô nàng cố tình làm khó dễ anh chàng của mình, mà chỉ đơn giản là muốn dùng sự hờn dỗi để kiểm nghiệm lại tình cảm của anh chàng mà thôi. Nhưng điều đó không cho phép các cô nàng cứ lạm dụng lý do này để thường xuyên hờn dỗi, bởi vì nó có thể ảnh hưởng và làm sút mẻ tình cảm của hai người. (Theo Việt Báo).

Cùng quan điểm ấy, một tác giả khác cũng đã viết: Giận hờn vốn dĩ là chứng bệnh muôn thuở của những người yêu nhau. Một cách nào đó, hờn giận giống một thứ gia vị làm cho món canh tình cảm thêm ngon, thêm ngọt. Tuy nhiên, nếu nêm nếm quá tay, thì tình cảm ấy có nguy cơ gặp phải sóng gió. (Theo VTC).

Sự giận hờn quá đáng không phải chỉ đe dọa tình yêu, đem lại nguy cơ bị sập tiệm, mà còn để lại những hậu quả tai hại cho chính người hờn giận.

Thực vậy, khi hờn dỗi khuôn mặt của cô nàng trước kia xinh đẹp bao nhiêu, thì bây giờ ỉu xìu như bánh bao chiên. Cặp mắt đâu còn long lanh và trong sáng, nhưng lúc nào cũng ỉu rĩ, rưng rưng như muốn khóc. Vì thế, trái đắng đầu tiên cô nàng phải gậm nhấm chính là nỗi buồn. Nỗi buồn ấy len lỏi vào mọi ngõ ngách tâm tư, khiến cô nàng mất ăn mất ngủ, lúc nào cũng thờ dài thườn thượt và những nếp nhăn xuất hiện trên trán, làm cô nàng già đi cả chục tuổi.

Về phương diện y khoa, khi tức giận, cơ thể tiết ra một lượng lớn cortisol và adrenalin, rồi đưa vào máu, khiến người tức giận đỏ mặt tía tai, tim đập thình thịch, huyết áp đột ngột tăng cao, lượng máu dồn về não hơi bị nhiều và có nguy cơ gây nên tai biến...

Khi giận hờn, người ta không còn mất tiền vì í ới gọi nhau đi ăn chè, đi uống sinh tố, hay đi coi phim... nhưng lại mất đậm tiền cho điện thoại trong tiến trình đàm phán để tái lập nền hoà bình và bình thường hoá mỗi bang giao. Khi nhắc máy, một đảng thì cứ nói leo leo, một đảng thì cứ im thín thít. Có khi cả hai cùng nín lặng để nghe tiếng thở của nhau, và sự nín lặng đôi khi kéo dài cả nửa tiếng đồng hồ. Chỉ vỗ béo cho công ty điện thoại mà thôi.

Nguy cơ mất tiền chỉ là chuyện nhỏ, nhưng nguy cơ mất nhau mới là chuyện lớn. Khi giận hờn, người ta thường không kiểm soát được lời ăn tiếng nói của mình, nhiều lúc đã làm cho trái tim của nhau bị trầy xước. Và nếu cứ bị trầy xước hoài, thì tới một lúc nào đó, tình yêu rơi vỡ tan tành và chỉ còn lại những mảnh vụn. Vì vậy, về phía các cô nàng thì hãy hờn dỗi in ít thôi nhé.

Còn về phía các anh chàng, đâu là việc cần làm ngay mỗi khi bị giận, bị hờn, bị dỗi? Kinh nghiệm cho thấy mỗi cô nàng có một kiểu hờn giận khác nhau. Tuyệt chiêu của các anh chàng là phải chịu đựng và tìm cách hoá giải những cơn giận hờn đó tùy theo từng hoàn cảnh.

Nếu cô nàng dỗi bằng cách im như thóc. Nghĩa là khi dỗi cô nàng sẽ thính lặng, cau mày và quay đi chỗ khác. Cô nàng có vẻ như rất cương quyết không thèm nhìn cái bản mặt của anh chàng. Lúc bấy giờ anh chàng có năn nỉ ỉ ôi cỡ nào chẳng nữa, thì cũng chỉ là uống công vô ích mà thôi, nhiều lúc còn tiếp thêm nhiên liệu để cô nàng làm mặt căng hơn nữa. Nếu

lầm lỗi anh chàng gây ra chỉ nhỏ như con thỏ, thì biện pháp hữu hiệu nhất trong tình cảnh này là...hài hước, anh chàng hãy chọc cho cô nàng cười. Và khi cả hai đã cười rồi, thì chuyện làm lành sẽ trở nên quá đơn giản.

Nếu cô nàng giận bằng cách chửi mắng anh chàng xối xả. Nghĩa là bỗng dưng cô nàng đỏ mặt tía tai, tuôn ra hàng ruồi những lời khó nghe. Nếu vì tự ái, máu nóng anh chàng cũng sôi lên sùng sục, cả hai đều giận thì cùng dứt dây. Cách tốt nhất là anh chàng hãy bình tĩnh rồi nói: Hạ hồi phân giải chúng mình sẽ duyệt lại chuyện này sau nhé. Rồi "lình" đi chỗ khác, chờ cho tình hình lắng dịu và mức độ căng thẳng được giảm xuống. Đây quả là một khó khăn, một thách thức vì anh chàng nào cũng có một "cục tự ái" to đùng. Rồi sau đó, hãy gặp riêng cô nàng mà ôn tồn giải thích trong hoà bình. Chắc hẳn ý kiến ý cò của anh chàng sẽ dễ dàng được cô nàng lắng nghe hơn.

Nếu cô nàng hờn bằng cách khóc như mưa. Hờn theo kiểu này quả thật cô nàng phải được liệt vào hàng cao thủ võ lâm, bởi vì khi sử dụng thứ "vũ khí ướt nhẹp" này, cô nàng đã nắm chắc được phần thắng trong tay, mặc dù chẳng biết ai đúng ai sai. Trong lúc cô nàng khóc, anh chàng chẳng cần phải dỗ, bởi vì càng dỗ, cô nàng càng được thể mà khóc bạo hơn nữa. Trong hoàn cảnh nào nùng và bi đát này, anh chàng chỉ nên kiếm một miếng khăn giấy, đưa cho cô ấy lau những giọt nước mắt còn đọng trên khuôn mặt mà thôi. Việc làm đơn sơ và tầm thường này sẽ giảm bớt được những tia nhìn hình "viên đạn" của cô nàng bắn sang phía anh chàng. Sau đó, hãy viết một bản "tường trình" với những lời lẽ chân thành. Những cô nàng mít ướt hay khóc cũng là những cô nàng dễ mềm lòng hơn ai hết.

Dù sao chẳng nữa, thì điều tốt nhất, đó là những anh đồn ông con giai không nên làm cho những chị đồn bà con gái giận hờn. Còn nếu lỡ làm cho quý nàng dỗi hờn, thì phải mau mắn nhận phần thiệt, phần sai về mình. Điều đó chẳng làm cho những anh chàng mất đi hình ảnh đẹp của mình, mà nhiều khi còn làm cho mình đẹp hơn, ít nhất là dưới mắt...một người.

Sau cùng, đó là phản ứng của quý vị chưa trưởng thành.

Ngoài quý vị con nít và những cô nàng đang yêu, còn một hạng người nữa cũng hay hờn dỗi, đó là quý vị chưa trưởng thành. Ở đây, gã không muốn nói tới sự trưởng thành về tuổi tác, nghĩa là tới một lúc nào đó cơ thể được phát triển đầy đủ để đón nhận thiên chức làm cha làm mẹ, nhưng muốn nói tới sự trưởng thành về tình cảm và xã hội, nghĩa là luôn làm chủ được con tim của mình, đồng thời luôn ý thức tinh thần trách nhiệm và chu toàn những bổn phận đã nhận lãnh ở mọi nơi và trong mọi lúc, cho dù có những tác động từ bên ngoài muốn mình phải thay trắng đổi đen, muốn mình phải buông xuôi hay bỏ cuộc:

- Mặc người nói ngả nói nghiêng,

Ta đây vẫn vững như kiềng ba chân.

Hai sự trưởng thành này không lệ thuộc vào thời gian, bởi vì có những kẻ tuổi đời đã chồng chất, trên đầu muối đã nhiều hơn tiêu, thế mà vẫn chưa tiến tới mức độ trưởng thành cần thiết. Hai sự trưởng thành này, cũng không phải là hai món quà từ trời rơi xuống, cứ đúng hẹn lại lên, cứ tới tuổi liền có, trái lại phải cố gắng, phải tập luyện thường xuyên, thì mới hy vọng đạt được.

Tình trạng thiếu trưởng thành về tình cảm và xã hội không phân biệt giới tính, nghĩa là đồn ông cũng như đồn bà đều có thể mắc phải. Gã xin đưa ra một thí dụ điển hình.

Trong xứ đạo, một số giáo dân rất đạo đức, góp công cũng nhiều và góp của cũng lắm. Luôn đi đầu trong mọi công tác. Sẵn sàng giúp đỡ cha sở trong mọi vấn đề. Tuy nhiên, họ chỉ tốt khi cha sở làm vừa ý họ. Trái lại, khi cha sở làm điều gì đó không phù hợp với lòng họ mong muốn, thì lập tức họ quay phắt một trăm tám chục độ.

Dĩ nhiên, là con nhà có đạo, hơn nữa lại là một giáo dân gương mẫu, sáng lễ chiều châu, họ không dám chửi bới, hay đánh đập cha sở, nhưng phản ứng họ thường sử dụng hơn cả đó là hờn dỗi.

Sự hờn dỗi này được biểu lộ qua thái độ bất bạo động, cũng như bất hợp tác và bế môn toả cảng. Không lui tới nhà thờ nhà xứ. Không thăm viếng, trò chuyện trao đổi với cha sở. Bỏ

bê công việc bốn phận. Không làm bất cứ việc gì để góp phần xây dựng giáo xứ nữa. Thậm chí, có người còn bỏ cả xưng tội rước lễ...Nếu đi lễ, thì kiếm nhà thờ khác mà đi.

Dường như cha sở có bốn phận phải chú ý tới họ trước tiên, mặc dù cha sở chẳng làm điều gì sai trái, ngược lại ngài đã làm điều phải làm và nói điều phải nói vì lương tâm của một mục tử, vì trách nhiệm của một vị hướng dẫn cộng đoàn. Chẳng hạn cha sở lên tiếng cảnh báo về một tệ nạn nào đó đang được manh nha trong giáo xứ. Ngài chỉ nói một cách chung chung, thế nhưng họ lại bẻ quẹo và cho rằng cha sở muốn “chửi xéo” họ, và lập tức họ lên cơn hờn dỗi.

Như một người đã đeo cặp kính râm, nhìn chỗ nào cũng chỉ thấy tăm tối mà thôi. Cũng vậy, một khi đã yên trí, thì bất cứ điều gì cha sở nói, cũng đều hàm chứa ý đồ nhằm hạ nhục họ...Và như vậy, chiến tranh lạnh vẫn tiếp diễn giữa các vì sao.

Tất cả những sự việc kể trên đều chứng tỏ họ là những con người chưa trưởng thành, bởi vì nếu đã trưởng thành, họ sẽ không ngần ngại trao đổi và góp ý với cha sở, để khai thông những tắc nghẽn trong mối liên hệ. Và cho đến lúc này, gã vẫn thắc mắc và tự hỏi:

- Họ giữ đạo vì Chúa hay vì cha nhĩ?

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
